

TUYỂN TẬP LÝ ĐÔNG A

BỘ 5

KIẾN QUỐC

DUY DÂN CƠ NĂNG

HỌC HỘI THẮNG NGHĨA

2018 – 4897 T.V.

Bộ Năm

KIẾN QUỐC

DUY DÂN CƠ NĂNG

Ngày Một Mới

Phải luôn luôn xoá bỏ những thành kiến hủ bại cũng như luôn phá bỏ những quan niệm sai lầm. Khẩu hiệu quốc gia của Học là "vào lễ ra việc"; mà khẩu hiệu của Làm là "ngày một thêm mới". Lòng lui ngụy với sự phản động và phá hoại đi ngang với lòng thủ cựu và sự chướng ngại có thể gọi hai nét đó là hai nét vong quốc. Song ta cũng nên hiểu rằng ngày một thêm mới không phải là ào theo những cái mới một cách mù quáng, mà là sự ứng dụng đã có suy cứu¹ và thực nghiệm rõ ràng rồi, là sự sáng tạo nên có nền tảng và điều kiện hiện thực của thời đại và của dân tộc.

Mở đường cho duy tân và khai thông những thủ cựu, theo liền với Hiến pháp cố nhiên là điều lệ: quyền dùng, bỏ, sửa, dựng Hiến Pháp do toàn thể nhân dân công quyết, nhưng đi đôi với số học của thời đại hiện thực nên đặt ra hai lệ:

1. Tiểu biến pháp: Mười (10) năm một lần tu chỉnh các hiện hành pháp.
2. Đại biến pháp: Ba mươi (30) năm một lần kiểm thảo lại các căn bản pháp.

Thời đại 10 năm một lần tiểu biến, 30 năm một lần đại biến, sự tu chỉnh có ý thức kế hoạch đi đôi với 6 năm một lần Quốc thể Tổng Điều tra. Ở trên nền tảng thực tế của thống kê và nghiên cứu mà có tổ chức, có mục đích thi hành.

¹ Suy cứu: tìm xét. Đào Duy Anh (2005). *Hán Việt Từ Điển*. Nxb Văn Hoá Thông Tin, trang 645.

TRIẾT HỌC CỦA CÔNG VIỆC TRONG CƠ NĂNG HIẾN PHÁP VÀ KHOA HỌC QUẢN LÝ CỦA CƠ NĂNG HIẾN PHÁP

A. Mở Đề

1. Công việc là cái nút biểu hiệu của vũ trụ vận hành và xã hội vận hành, kết lập nên bằng hết cả cái duyên quả, nhân tố của vũ trụ và xã hội, trên cái quá trình động của vũ trụ và xã hội với tư tưởng.
2. Cho nên công việc là cái nút biểu hiệu của loài người trên sống, còn, nổi, tiến, hóa. Tất cả lịch sử với những cố gắng của người ta lấy *làm việc* (chủ quan) với *công việc* là trung tâm.
3. Cho nên tất cả các chế độ, tổ chức quản lý và vận dụng phải đứng trên nền tảng chắc chắn của những nguyên lý đúng bền của công việc; công việc là cái trình tự nối tiếp, quán thông cả tính cách của hết thầy chế độ, quản lý, tổ chức và vận dụng trên thực tiễn và học lý.

B. Vào Đề

1. Triết học của công việc

a. Bản thể luận của công việc

1. Vật – Tâm – Sức trên vận động làm thành hết thầy các hiện tượng kinh tế, chính trị, và xã hội.
2. Nhân - Duyên - Quả trên vận động biện chứng làm thành hết các nghiệp của hiện tượng.
3. Biết - Làm - Nghiệm trên vận động biện chứng làm thành hết các đạo đức của nghiệp.
4. Chủ Thể - Trung Gian - Khách Thể trên vận dụng biện chứng làm thành hết các trí năng của làm việc.

b. Nhận thức luận của công việc

5. Sự vận động biện chứng của các phạm trù trên hoàn thành những nút hội thông² của việc.

² Hội thông (Hội – bộ Viết: gặp nhau, hợp lại. Thông – bộ Súc: thông suốt, xuyên qua): xuyên qua nhau. Nút hội thông: điểm giao nhau. (HVL).

6. Tâm - Duyên làm trung gian là những điều kiện của vận động phối hợp với nền tảng và định hết các hình thức nhân quả, hiện thực tính hay khả năng tính của việc.
 7. Duyên là gồm các nhân tố thời gian, không gian, số lượng người và vật.
 8. Hiện Tại - Quá Khứ - Vị Lai trên biện chứng vận động làm thành hết các thời cơ của công việc.
 9. Bối Cảnh - Tiềm Cảnh - Viễn Cảnh trên biện chứng vận động định đoạt hết cái thông cảnh của công việc.
 10. Hư Số - Thực Số - Nhân Số trên biện chứng vận động làm thành hết các trình thức của công việc.
 11. Sáng Ý - Quyết Đoán³ - Thực Hành, ba nghiệp tăng trên biện chứng vận động làm thành hết các hình thái nhân sự của công việc.
 12. Nguyên Liệu - Tài Liệu - Động Lực trên biện chứng vận động làm thành hết các hình thái vật chất của công việc.
- c. Phương pháp luận của công việc
13. Kích Thích - Xung Động⁴ - Phản Ứng là trình tự tự nhiên của phương pháp làm việc.
 14. Nghiên Cứu - Hội Thông - Sáng Định là trình tự cao thấp của phương pháp làm việc.
 15. Dự Kế - Chấp Hành - Khảo Hạch⁵ là trình tự diễn tiến của phương pháp làm việc.
 16. Dân sinh thực hiện sử quan là trung tâm của hết thầy nguyên lý làm việc.

³ Quyết đoán: khi gặp việc có chủ ý để phán đoán (résolution). Đào Duy Anh. Sách đã dẫn (Sđd), tr. 618.

⁴ Xung động (Xung - bộ Hành. Động - bộ Lực): hành vi được biểu hiện một cách vô ý thức và không suy nghĩ khi chịu kích thích bên ngoài. Hoàng Thúc Trâm. *Hán Việt Tân Từ Điển*. Nxb. Hoa Tiên, tr. 1441.

Trong phương pháp làm việc, có "Xung động tác dụng": một thứ tác dụng về tâm lý: chỉ [việc] (- chữ HVL thêm vào) quy định ý chí bằng một động cơ. Hoàng Thúc Trâm. Sđd, tr. 1441.

⁵ Khảo hạch: xét xem sức học của học sinh là thế nào. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 302. [Trong tài liệu nói về sự khảo hạch của công việc].

17. Duy Dân xã hội biện chứng pháp⁶ là lý tắc đúng đắn của hết thảy công việc.
- d. Giá trị luận của công việc
18. Hiệu Quả là cái thành tích lấy bản thân của công việc mà hồ kể.
19. Hiệu Suất là đem so hiệu quả với thành bại của công việc mà định cái trình độ trên số học, tinh thần và năng lực của người làm.
20. Hiệu Dụng⁷ là đem so hiệu quả với hiệu suất với các ích lợi thực tế của công việc ấy đối với yêu cầu của toàn xã hội, thời đại, văn hóa mà định.
21. Cho nên cá nhân, xã hội, dân tộc là ba tiêu chuẩn để tính toán hiệu dụng của công việc trên sự thực tế ích lợi của công việc đó đối ba mặt.
22. Cho nên sinh mệnh triết học và triết học của công việc là hai ngành Dân Sinh Thực Hiện Sử Quan của Duy Dân chủ nghĩa, lấy đó làm nền tảng kiến thiết sống, còn, nổi, tiến, hóa của dân tộc.

2. Khoa Học Quản Lý

a. Bản chất của quản lý

23. Quản lý là châm đối⁸ sinh mệnh⁹ với công việc, hai mặt kinh qua chế độ tổ chức để mà vận dụng, do đó yêu cầu một hiệu dụng đối cá nhân, xã hội và dân tộc.

⁶ Biện chứng pháp (Biện - bộ Tân: phân tích, biện xét. Chứng - bộ Ngôn: bằng cứ, chứng cứ. Pháp - bộ Thủy: cách thức, nguyên tắc): phương pháp biện xét bằng các chứng cứ cụ thể để giải thích sự vật. (HVL).

⁷ Hiệu dụng: hiệu nghiệm và hữu dụng; ra sức làm việc. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 295.

⁸ Châm đối (Châm - bộ Đầu: lường liệu, thăm độ. Đối - bộ Thốn: đối chiếu, điều chỉnh): điều chỉnh lường liệu cho hợp lý. (HVL).

⁹ Sinh mệnh (Sinh - bộ Sinh: sự sống, đời sống. Mệnh - bộ Khẩu: mạng sống; vận số): đời sống vận số của một người. Theo Lý Đông A, sinh mệnh là đời sống tinh thần và vật chất có sự chủ động của con người. (HHTN).

Chữ “vận số” (không phải là danh từ bói toán nói về định mệnh) liên quan đến Dịch học, trong đó có vai trò quan trọng của con người đối với trời đất. Ông Trần Cao Vân đề cập đến vấn đề này trong bài *Vịnh Tam Tài*, hay trong thuyết Trung Thiên Dịch, xem Con Người là một tiểu vũ trụ (microcosme) hoà điệu với đại vũ trụ (macrocosme). (HVL).

24. Cho nên quản lý phải đặt để các nguyên lý, phương thức, phương pháp và trình tự của sinh mệnh (xem Thăng Nghĩa Tổng Cương) và của công việc (xem Triết Học của Công Việc).
25. Khoa học quản lý là sự ứng dụng các nguyên lý, phương thức, phương pháp và trình tự trên vào tổ chức chế độ và vận dụng Người và Việc, có nghiên cứu, có hội thông và có sáng định châm đối một lý tưởng và mục đích có một kế hoạch và một hành động dự định, để đạt tới chắc chắn một hiệu suất và một hiệu dụng dự cầu.
26. Cho nên khoa học của công việc tức là quản lý khoa học.
27. Mà học thuật của công việc là tất cả các phương thức, phương pháp thực tiễn thích ứng với mỗi tính chất của việc làm thể thuật¹⁰, chính thuật¹¹, chiến thuật, luận công nghiệp, khoa học, nghiên cứu, v.v...
28. Nắm giữ được trung tâm của vận động, quy luật của vận động, phương hướng của vận động và Duy Dân biện chứng với lại chủ thân của tự mình châm đối hết thảy các trung tâm duyên nghiệp, đó là lẽ thẳng và số thẳng của công việc và quản lý.
29. Cơ Năng Hiến Pháp là khoa học của công việc và quản lý trên một phạm vi rộng rãi và ăn sâu. Nó tức là Taylorisme¹² và Stakhanovisme¹³ lớn lao hơn.

“Quản lý là châm đối sinh mệnh với công việc”, tức phải cân bằng giữa vận số, đời sống cá nhân với công việc. Lý tiên sinh viết rằng công việc là sự khoáng trương (mở rộng) con người vào xã hội. Làm việc, như vậy, không chỉ là kiếm tiền, hay ‘làm chính trị’ không chỉ là nghề của các chính trị gia, mà cần phải phân công, phân mệnh, phân lợi cho hợp lý. (HHTN).

¹⁰ Thể thuật (Thể - bộ Nhất: sự giao tiếp của xã hội, như thể cố: thói đời; Thiệu Chửu (2009). *Hán Việt Tự Điển*, trang 3. Thuật – bộ Hành: phương pháp, cách): cách giao tiếp ở đời. (HVL).

¹¹ Chính thuật: thủ đoạn chính trị, như chữ chính sách. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 146. [thủ đoạn trong trường hợp này không mang nghĩa xấu].

¹² Frederick Winslow Taylor (1856-1915), người đưa ra lý thuyết về khoa học quản lý để phân tích và tổng hợp quy trình công việc. Mục tiêu chính là nâng cao hiệu quả kinh tế, đặc biệt là năng suất lao động - một trong những nỗ lực sớm nhất áp dụng khoa học vào việc thiết kế quy trình và quản lý - được Henry Ford áp dụng cho hệ thống sản xuất dây chuyền về xe hơi của ông. (TD).

¹³ Alexsei Grigoryevich Stakhanov (1906-1977), thợ mỏ người Nga, nổi tiếng vào năm 1935 và là một phần của phong trào Stakhanovite - chiến dịch nhằm gia tăng

b. Nguyên Tắc Của Quản Lý

30. Trình tự *trước việc, đang việc* và *sau việc* phải tính toán trên một đồ phân bố, thống kê và tung hoành trước, dự liệu được hết các bước đi của nó. Thời gian là thần biến hóa, nắm giữ lấy cái quá trình vận động biện chứng của nó mới có thể có một phương hướng của việc, lộ tuyến¹⁴ của việc và lý tưởng của việc. Trình tự đó là dự kế (thống), chấp hành (phân), khảo hạch (hợp).
31. Sự - Quyền - Trách là 3 phạm trù của nhân sự. Nó là yếu tố quyết định và chủ động của công việc. Sự tổ chức Sự, Quyền, Trách phải tuân theo 3 nguyên tắc: thống lý¹⁵, phân công¹⁶ và hợp tác¹⁷.
- a. Sự, phải thống lý mới có một trung tâm làm tối cao vận dụng. Sự phải phân công thời mới có chuyên môn rõ rệt, vừa sức, đủ làm hết tài. Sự phải hợp tác thì các bộ diện ngang mới có liên hệ nhịp nhàng, cùng tiến, cùng lên.
- b. Quyền, phải thống lý mới có một kỷ luật để duy hệ¹⁸ suốt quá trình. Quyền phải phân công thì mới có đủ phạm vi, hạn độ,

năng suất lao động và cũng để chứng minh sự vượt trội của hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa so với tư bản chủ nghĩa. Ông được biết đã từng phá kỷ lục của người khác và của chính ông trong việc khai thác than. Năng suất lao động của ông được đăng trên báo chí và áp phích để làm gương cho người khác noi theo. Hình ông được xuất hiện trên trang bìa tờ *Time* ở Mỹ số tháng 12 năm 1935. Tuy nhiên, vào năm 1985, tờ *The New York Times* có bài viết nhận định rằng mặc dù Stakhanov thành công trong sự nghiệp của mình, nhưng chỉ vì đảng Cộng sản đã sắp xếp sự kiện để thúc đẩy tinh thần phục vụ công ích (public morale) và ông đã được nhiều thợ mỏ khác trợ giúp để phá vỡ các kỷ lục chứ không phải chỉ do mình ông thực hiện. (TD).

¹⁴ Lộ tuyến (Lộ - bộ Túc: đường lối, cách làm, phương pháp. Tuyến - bộ Mịch: đường, tia): đường hướng thực hiện. (HVL).

¹⁵ Thống lý: quản lý tất cả mọi công việc. (TD).

¹⁶ Phân công: chia việc ra cho nhiều người cùng làm [theo khả năng, hoàn cảnh, tâm sinh lý...] để hoàn thành một công việc chung cho khỏi chông chéo dẫm chân lên nhau nhằm đạt được hiệu suất cao hơn. (ĐNHX).

¹⁷ Hợp tác: cùng chung sức, giúp đỡ lẫn nhau để thực hiện một công việc, một lãnh vực nào đó nhằm hoàn thành một mục đích chung [hơn nữa, để thúc đẩy sự phối hợp nhịp nhàng giữa những người làm việc chung trong nhóm với nhau]. (ĐNHX).

¹⁸ Duy hệ: ràng buộc giữ gìn lấy. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 182.

- làm cho đạt nổi việc mình, không bị khiển chế lỗi việc. Quyền phải hợp tác thì mới không tranh trì¹⁹ lẫn nhau.
- c. Trách, phải thống lý mới có một hướng tâm vận động của hết thảy các nhân tố. Trách phải phân công thì mới tin ở nơi mình, làm gắng hết sức mình, chịu hết lỗi mình, không đổ vấy, không phô diễn. Trách có hợp tác thì mới giúp đỡ lẫn nhau, không dèm pha nhau.
- d. Do đó sinh ra các chế độ của tổ chức: Tăng cấp chế (thống), Trách ủy chế (phân), Chính lý chế (hợp) của Cơ Năng²⁰ Hiến Pháp và Đảng kế hoạch cách mạng.
32. Vận Dụng - Thưởng - Phạt - Nhiệm (dùng người, lên, xuống) là 3 việc trọng yếu trong công việc hợp lý, yên bài và thuận lợi vận dụng của mỗi tổ chức; các tiêu chuẩn khách quan của thưởng, phạt, nhiệm là mỗi cử động đó phải căn cứ vào các nguyên tắc: có pháp tắc²¹ và có khảo hạch, có bồi dưỡng. Không có pháp tắc mà thưởng, phạt, nhiệm, tức là chuyên bạo, không công, quần chúng không phục. Không có khảo hạch mà thưởng, phạt, nhiệm thì hỗn mang pháp tắc, mà ứng dụng bậy vì tình, tức là ngược tắc, không nghiêm, quần chúng nổi dậy. Không có bồi dưỡng mà thưởng, phạt, nhiệm thì người tài không do đâu mà ra, tức là cận thị không minh ở đó. Sự vận dụng phát sinh ra 3 chế độ: pháp trị chế (thống), khảo trị chế (phân), hiến trị chế (hợp).
33. Trách - Thành: Phải đặt trước một cơ chuẩn (standard). Cái cơ chuẩn đó phải phân tích ở năng lực của sinh mệnh và trình độ của công việc mà thành. Các cơ chuẩn đó định đoạt cái hiệu suất của từng động tác, từng thành tích. Do hai điều trên mà định đoạt sự thù lao (trả công). Cho nên cơ chuẩn, hiệu suất và thù

¹⁹ Tranh trì: hai bên giằng giữ nhau không bên nào chịu thua. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 851.

²⁰ Cơ năng (cơ cấu và chức năng): cơ năng là một cơ cấu có chức năng riêng biệt trong một hệ thống thống nhất (bản vị). Một hệ thống bản vị (whole, unit) được cấu thành bởi nhiều cơ năng thành phần (parts). Mỗi cơ năng thành phần này có bản sắc và chức năng hoạt động đặc thù nhưng tác động với nhau một cách hoà điệu mà kết hợp nên hệ thống bản vị (xem thêm chú giải về cơ năng trong tài liệu *Chìa Khoá Thăng Nghĩa* dưới mục Tuyển Tập Lý Đông A). (ĐNHX).

²¹ Pháp tắc: phép nhất định theo đó mà làm tiêu chuẩn. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 562.

lao (rétribution) phải căn cứ trên sự tính toán khách quan về thành bại, hiệu quả với hiệu dụng mà định đoạt.

34. Biên Chế: Quản lý không riêng đối với người mà là đối rộng rãi suốt mặt thi hành một cuộc biên chế rất tinh mật²² và rất cơ năng. Tóm lại là đối 3 mặt: Công Việc, Người, Vật, đem 3 yếu tố đó (nhân) kết hợp với các khách thể (duyên): thời gian, không gian, số lượng, pháp tắc, đặt tất cả xuống dưới một tổ chức mà quản lý suốt cái trình tự liên tục không dứt và biện chứng của dự kế (thống), chấp hành (phân), khảo hạch (hợp). Tất cả các nút này phải suy động sáng suốt trên các nguyên tắc nền tảng: tế mật²³, tuần tự, thực tiễn của máy móc, nhưng mà phải phối hợp với 3 sinh hoạt: Sinh Lý (đầy đủ), Tâm Lý (hứng thú xã hội) và Lý Tưởng (xã hội) những cái nút đó mới khỏe khoắn mà sự vận động của nó mới hiệu lực.
35. Đi đôi với công việc phải có dự kế, chấp hành và khảo hạch. Vật phải có trừa tàng (sức chứa, để), dự bị (bổ sung) và chi phối cho hợp lý. Người phải có tự chủ, tự nguyện, tự động cho xã hội hóa. Cho nên kế hoạch hóa, hợp lý hóa và xã hội hóa là nền tảng của biên chế. Duy Dân Chủ Nghĩa là tổ chức của Cơ Năng Hiến Pháp và Cộng Đồng Thể của khoa học quản lý.
36. Hòa Hài: Mục tiêu của khoa học quản lý là hòa hài. To ra mà nói như toàn bộ Cơ Năng Hiến Pháp, tất cả các cơ cấu hình thành phải sao cho lập quốc hòa hài, chính trị hòa hài, dân sinh hòa hài và tiến hóa được hòa hài. Rút lại mà nói, tất cả mọi nhánh của chế độ, tổ chức, quản lý và vận dụng đều phải cho cơ cấu được hình thành, hợp lý, phát triển và khoáng trương²⁴.

C. Kết Đề

1. Cho nên Dân Sinh Thực Hiện, Duy Dân Dân Chủ, Bình Sản Kinh Tế, Sinh Hoạt Giáo Dục, Trung Tâm Tu Dưỡng, Cơ Năng Hiến Pháp vừa là xuất phát điểm của công việc và khoa học quản lý, lại vừa là mục tiêu cuối cùng của công việc và khoa học quản lý.

²² Tinh mật: rành rõi và khít khao. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 703.

²³ Tế mật (Tế - bộ Mịch: tinh xảo. Mật - bộ Miên: giữ kín): tỉ mỉ kín đáo. (HVL).

²⁴ Khoáng trương: mở rộng ra. (ĐNHX).

2. Cơ Năng Hiến Pháp thành lập trên chủ nghĩa và viễn kiến của hai triết học Sinh Mệnh và Công Việc để đạt tới Dân Sinh và Thực Hiện của công việc và khoa học quản lý.
3. Kế hoạch cách mạng của Đảng thành lập trên chủ nghĩa và viễn kiến của Đảng phải lấy Khoa Học Quản Lý, Quản Lý Thống Chế²⁵, Dự Kế Thống Chế làm thủ đoạn siêu việt mà đạt tới cứu nước giữ nòi. Kế hoạch chính trị cứu nước cũng vậy.

CÔNG VIỆC

1. Công việc là sự biểu hiện nhiều mặt, nhiều lối, nhiều tầng, nhiều cách của sinh mệnh phối hợp với chu vi trong sự giao hỗ phức tạp của xã hội biện chứng pháp mà thành. Sinh mệnh là căn cốt của thời đại, mà công việc là căn cốt của văn minh.
2. Cơ sở duy nhất của hết thảy là đời sống xã hội. Các điều kiện trọng yếu là nhân loại tiến triển (đồng hóa, phân hóa, hỗn hóa) sự thực (hiện tượng, biểu tượng) và chu vi thời gian (xưa, nay, mai), không gian (gồm đây, đó, kia). Tất cả các nhân tố đó giao hỗ phức tạp trên sự biểu hiện của số. Cho nên Sinh Mệnh quy định theo nền tảng và các điều kiện trên cũng như công việc. Công việc là sự nối dài (prolongement) của Sinh Mệnh ra vũ trụ.
3. Công việc có ba thứ bậc: trước việc, đương việc và sau việc trên thời gian; có 3 điểm: đây, đó, kia trên không gian. Số biểu hiện ra bằng: 3 – 5 – 7. Khởi điểm và chung điểm là 1 với 9; biến là 10.
4. Trước việc phải có điều tra, kế hoạch và chuẩn bị mà trung tâm là kế hoạch.
5. Đương việc phải có chấp hành, cơ biến liên hệ và tiếp tế; trung tâm là chuyển với biến.
6. Sau việc phải có thiện hậu²⁶, khảo hạch và chứng minh, kiểm thảo và cảnh giới²⁷; trung tâm là thiện hậu.

²⁵ Quản lý thống chế: theo mạch văn của Lý tiên sinh, ta có thể hiểu đây là sự thống lĩnh quản lý tất cả mọi việc của một cơ sở hay tổ chức. (TD)

²⁶ Thiện hậu: mưu lo cho an toàn về sau, xếp đặt cho thoả đáng đoạn về sau. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 802.

²⁷ Cảnh giới: giới hạn trong khoảng hai bên giáp nhau, như chữ biên giới. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 75.

7. Muốn cho công việc trên không gian và thời gian được thành công phải chia tự thân của công việc ra: bản căn (bản thân của công việc – công việc trung tâm), thác tiết (nghịch liệu trước, những chi tiết tự công việc đó phải phát sinh trong đường trường làm lụng), ý ngoại²⁸ (phòng bị trước hết tất cả những việc bất ngờ có thể xảy ra nó làm trở tốt hay trở xấu cho công việc, nắm giữ lấy biện chứng đó), thiện hậu (thu xếp) cảnh giới và nắm giữ lấy các giới vạch đã làm tới trong các trường hợp thắng hay bại.
8. Tham khảo thêm: tâm lý, sinh lý nhân loại hoạt động, các bảng ở giáo dưỡng.

Vũ Trụ Của Loài Người Là Sinh Mệnh

9. Sinh mệnh là chủ thể và là mục đích, coi tự mình và người là mục đích, ấy là lý tưởng cao cả, gồm cả chân, thiện, mỹ lại một thể. Cho nên khoa học và triết học của Công Việc chỉ là kỹ thuật ngọn. Triết học và khoa học của Tu Dưỡng mới là gốc. Tu dưỡng sức sống gọi là sinh mệnh; sự thăng hoa của sinh mệnh gọi là công việc; thăng hoa tốt, xấu, cao, thấp gọi là thành công, thất bại, siêu việt hay tê liệt. Cho nên tu dưỡng tính, tâm, thân, mệnh là gốc; kỹ thuật cho đến những phạm trù của đạo đức, học vấn, sự nghiệp, giao tiếp chỉ là ngọn. Thực chất sinh ra hình thức. Công việc có thể gọi là hình thức của sinh mệnh đó.
10. Tâm thuật là chủ, kỹ thuật là phó: “thích dụng cho cả chính, chiến, thể, luận”. Tâm thuật là thủy kế, kỹ thuật là chủ kế với khách kế bằng một tác dụng đầu xạ²⁹ và phản xạ của tâm thuật mà hoàn thành sự vận dụng Vạn Thắng³⁰.

²⁸ Ý ngoại: không ngờ. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 333.

²⁹ Đầu xạ điểm: điểm, nơi mà một vật hay một tia sáng gặp mặt phẳng. Đầu xạ tuyến: tia sáng từ ngoài chiếu vào một mặt phẳng. Lê Văn Đức (1970). *Việt Nam Tự Điển*. Nxb. Khai Trí, Q. Thượng, tr. 431.

Đầu xạ (Đầu - bộ Thủ: chiếu, rọi. Xạ - bộ Thốn: soi, tỏ): tác động trực tiếp. (HVL).

³⁰ Vạn thắng (Vạn - bộ Thảo: muôn, 10 ngàn; nhiều không kể xiết. Thắng - bộ Lực: đánh được, khuất phục; dùng sức, tài để bắt người chịu thua; hơn những cái khác).

“Vạn thắng là khuất phục được mọi trở ngại, mọi kẻ thù, mọi hoàn cảnh để đạt mục đích tối hậu. Vạn thắng là vô địch, không còn ai địch nổi”.

Bốn Công Chủ Nghĩa

1. Công Bản Chủ Nghĩa: Tư bản sinh sản³¹ là công toàn quốc gia; phạm nguồn sản đều thuộc về công cộng chi phối.
2. Công Lao Chủ Nghĩa: Đó là sự triệt để ứng dụng Nhân Quyền Hiến Chương của xã hội; lao công bất cứ một ngành nào, nhân dân bất cứ một ngành nào, đều trực tiếp thuộc về kế hoạch quốc gia Phân Mệnh, Phân Công và Phân Lợi.
3. Công Phối Chủ Nghĩa: Sự phân phối nguồn sản, đồ dùng, đất đai, nguyên liệu, lao công sở đặc³² qui về quốc gia thống nhất thi hành.
4. Công Độ Chủ Nghĩa: Tài chính do quốc gia cộng đồng chi phối, kim dong³³ công hữu, sở đặc và thù đãi, công hay tư đều do quốc gia xử lý.

Lâm Thời Tổ Chức

Lâm thời quốc gia nhân tài chưa đủ, hành chính chưa chu đáo, hãy còn trong thời kỳ quân chính³⁴, có thể lấy Xu Mật Viện (Chỉnh Lý Viện) làm cơ quan

Vạn Thắng là danh hiệu của Đinh Bộ Lĩnh (924-979) - Vạn Thắng Vương. Đinh Bộ Lĩnh theo sứ quân Trần Minh Công ở Bồ Hải Khẩu (phủ Kiến Xương, Thái Bình) được trao cho binh quyền, đánh đầu thắng đó, dẹp được 12 sứ quân. Lên ngôi hoàng đế, lập ra nhà Đinh, truyền được hai đời. Đinh Tiên Hoàng làm vua được 12 năm, thọ 56 tuổi.

³¹ Tư bản sinh sản: Chữ này nguyên trong cụm từ "Tư bản sinh sản quá trình": thương phẩm và tiền tệ đều được nhà tư bản coi là tư bản và là cái luôn luôn chuyển động. Vì đem tiền tệ ra mua những thương phẩm như máy móc, nguyên liệu và sức lao động... lại dùng những thương phẩm ấy sinh sản ra một thứ giá trị mới, nghĩa là khiến sức lao động của người lao động hao tổn thủ đoạn lao động mà kết hợp với nguyên liệu để làm thành một thứ thương phẩm mới. Hoàng Thúc Trâm (1950). *Hán Việt Tân Từ Điển*. Nxb. Hoa Tiên, tr. 1013.

Chữ này được dùng thời kỳ tiền bán thế kỷ XX ở Việt Nam. Ngày nay, chữ thường dùng là Tổng sản lượng quốc gia hay Tổng sản phẩm quốc gia (GNP - *Gross National Product*). Tổng giá trị có được này là do công sức đóng của toàn quốc gia, do đó quyền phân bổ không thể từ một phe đảng hay nhóm lợi ích cục bộ, mà đều thuộc về công cộng (tức cơ quan đại diện toàn dân, như Quốc hội) chi phối. (HVL).

³² Sở đặc: những món lợi thu được; những điều biết được trong sự nghiên cứu và kinh nghiệm. Đào Duy Anh. *Sđd*, tr. 642.

³³ Kim dong (hay kim dung): giá cả các của cải. Thiều Chửu, *Sđd*, trang 733.

³⁴ Quân chính: việc hành chính về quân sự. Đào Duy Anh. *Sđd*, tr. 607.

Học hội Thắng Nghĩa

duy nhất tối cao xử lý hết thảy chính trị và hành chính, đồng thời sửa soạn khi thời cơ khả hứa, toàn bộ thực hiện Cơ Năng Hiến Pháp, tức là thống lý, phân công, hợp tác đạt tối cao giai đoạn khoa học mà thành.

Trung Khu Liên Tịch Hội Nghị³⁵

Trung Khu Liên Hợp Hội Nghị là những cuộc hội nghị hành chính trong phạm vi từng bộ do Xu Mật Viện³⁶ và Hành Chính Viện các bộ có quan hệ liên hợp triệu tập. Các cuộc hội nghị đó có tính chất là để điều chỉnh từng bộ và để liên lạc ý kiến, thống nhất phương châm giữa chính trị và hành chính. Ví như trung khu liên hợp kinh tế hội nghị, tài chính, nội vụ, ngoại giao, quân huấn chỉ đạo, giáo dục quốc dân phục vụ chỉ đạo v.v... dưới các cuộc Trung Khu Liên Nghị đó có các giới hành chính hội nghị do các viện, bộ, hội có quan hệ chủ trì; mục đích là để điều chỉnh, liên lạc các cấp, các giới ví như hành chính giới hội nghị, tài chính giới, văn hóa giới, kinh tế giới, thanh niên, phụ nữ...

Theo tiểu tựa "Lâm Thời Tổ Chức" và mạch văn của Lý tiên sinh, ta có thể hiểu hành chánh 'quân chính' nằm trong giai đoạn cách mạng vừa thành công. (TD).

³⁵ Liên tịch Hội nghị: (chính trị) nhiều đoàn thể riêng mở hội nghị chung để cùng nhau thảo luận về vấn đề gì (interassemblée). Đào Duy Anh. Sđd, tr. 407.

³⁶ Xu mật viện: Chữ Xu viết là: 樞, dạng giản thể: 枢. Chữ Xu (- bộ Mộc: trọng yếu, chủ chốt). Phiên thiết theo Tự Điển Khang Hy là: *xương* + *chu*, lấy phụ âm của chữ *xương* là x, vần của chữ *chu* là u, nên chữ này phải đọc là x + u = xu.

Nếu đọc là khu, và viết là: 樞 (- bộ Thủ: khắc chạm) hoặc viết là: 區 (- bộ Hổ: khu vực) thì sai chính tả và khiến cụm từ trở nên vô nghĩa.

Xu mật viện: tên một cơ quan thuộc chính quyền trung ương, trông coi các sự việc trọng yếu bí mật của quốc gia.

Năm 1010, vua Lý Thái Tổ bổ nhiệm Ngô Đình làm Xu mật sứ, đứng đầu Xu mật viện quản lý việc binh. Thời Lý Thái Tông, Lý Đạo Kỳ giữ chức Tả Xu mật sứ, Xung Tân giữ chức Hữu Xu mật sứ. Năm 1427, Bình Định Vương Lê Lợi bổ nhiệm Nguyễn Trãi làm Lại bộ thượng thư kiêm hành Xu mật viện sự. Cơ mật viện thành lập năm 1834, dưới triều Minh Mạng, có chức năng tương tự Xu mật viện.

Trong tài liệu gốc chúng tôi lưu trữ, cụm từ này chép rằng: "Khu mật viện". (HVL).

Học hội Thăng Nghĩa

Quốc Sách Căn Bản Thăng Nghĩa Quốc Gia và Cơ Năng Hiến Pháp

Cơ Năng Hiến Pháp (fonctionnel) y cứ vào nguyên lý quốc gia cơ năng chú ý tung hợp³⁷ quốc gia quyền lực, nhân dân ý chí và nhân sự luật tắc. Quốc gia lập pháp cần phải có qui mô, chia ra pháp trị và nhân sự, hai hệ tung hợp lại thành một *cơ năng sinh hoạt*; tung hợp chính quyền và trị quyền thành *chính trị nhất nguyên*; tung hợp từng hệ thống và hoành liên hệ lại thành *tung hoành nhất quán*; tung hợp động và tĩnh lại thành *động tĩnh nhất khu*; tung hợp quyền và năng lại thành *quyền năng nhất thống*; tung hợp chính trị và hành chính thành một *quốc gia tổ chức hòa hài*.

CHÍNH TRỊ

- Quốc Dân Tham Chính Đại Hội (Thường Vụ Ủy Viên Hội).
- Quốc Trưởng – Xu Mật Viện.

Quốc Dân Đại Hội³⁸ có đủ quyền: sáng chế, phúc quyết, tuyển cử và bãi miễn.

Quốc Trưởng do Đại Hội đề ra và do quốc dân đồng tuyển cử. Xu Mật Viện do Quốc Trưởng tự đề ra và do Đại Hội tuyển cử. Xu Mật Viện tự suy tôn Tổng Lãm³⁹.

Xu Mật Viện trực tiếp giúp đỡ Quốc Trưởng, vận trù⁴⁰ chính trị, có các quyền giải thích quốc sách và hiến pháp, có quyền chỉ đạo pháp trị và nhân sự, có quyền trù hoạch⁴¹ quốc gia qui mô và pháp độ⁴².

³⁷ Tung: dọc, theo chiều dài. Tung hệ: hệ thống tổ chức theo chiều dọc. Lê Văn Đức, Sđd, Q. Hạ, tr. 1463. Tung hợp: tập trung theo chiều dọc. (HVL).

³⁸ Quốc dân Đại hội: Đại hội đại biểu quốc dân, Quốc hội. (HVL).

³⁹ Tổng lãm: nắm cả quyền ở trong tay. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 723.

⁴⁰ Vận trù: định liệu mưu kế. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 903.

⁴¹ Trù hoạch: tính toán mà vạch sẵn các công việc. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 869.

⁴² Pháp độ: cái đồ đo lường dùng để làm tiêu chuẩn; trình thức. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 561.

Xu Mật Viện nhiệm vụ: Kiến quốc đại mưu, chính trị nguyên tắc, tam phân⁴³ thực thi, lập pháp nguyên tắc, quân sự đại kế, tài chính phương châm, chính cơ (điều chỉnh cơ quan), chỉnh quân nhân tuyển.

Sự tổ chức Xu Mật Viện tức quốc gia tổng lãm đoàn gồm 30 viên phân tổ các viện: Dân Tộc Cộng Hoà Dực Tán⁴⁴ Hội, Đảng Tổng Bộ, Chủ Kế Tỉnh⁴⁵ ...

Phương thức làm việc của Xu Mật Viện là trù hoạch đại sự và liên tịch hội nghị với các Hành Chính Viện, Tối cao Chính Trị Nghiên Cứu Viện, do các đảng⁴⁶ tổ chức ra, được độc lập, chú ý cho thực hiện được dân tộc thượng tầng ý thức, thống nhất dân tộc cơ năng, hành động hài hòa.

Hành Chính

Lập Pháp Viện (Quốc Gia Hành Chính thiết kế và pháp luật chế định) tổ chức các ủy ban.

Hành Chính Viện (Đặc Vụ Bộ, Thiết Kế Bộ, Quốc Vụ Khanh Bộ, Ngoại Chính Bộ, Nội Chính Bộ, Văn Chính Bộ, Dân Chính Bộ, Quân Chính Bộ, Pháp Chính Bộ, Lộ Chính⁴⁷ Bộ, Không Chính Bộ, Tài Chính Bộ...).

Tư Pháp Viện, Giám Sát Viện (thẩm kể, đàn hạch, trừng giới).

⁴³ Tam phân: phân công, phân mệnh, phân lợi. (HHTN).

⁴⁴ Dực tán (Dực – bộ Vũ: ở bên mà giúp đỡ. Tán – bộ Bối: cổ xúy lên): trợ giúp cổ xúy lên. Dực Tán Hội được thành lập nhằm kêu gọi quần chúng trên cả nước tương trợ và cổ xúy cho những chủ trương chiến lược của quốc gia. (HVL).

⁴⁵ Chủ Kế Tỉnh (Chủ - bộ Chủ: coi giữ, phụ trách. Kế - bộ Ngôn: tính toán; sổ sách. Tỉnh – bộ Mục: một cơ cấu hành chính, một cơ quan): cơ quan phụ trách sổ sách tính toán. (HVL).

⁴⁶ Theo mạch văn, ta có thể hiểu Lý tiên sinh đề xuất cơ cấu chính trị này sau khi các chính đảng giành độc lập thành công từ thực dân Pháp. Trong những tài liệu khác, ông phê phán chính trị “tư đảng, đảng tranh” và cổ xúy “công đảng” (với mục tiêu bình đẳng cơ hội) cốt để người dân thực sự nắm quyền nhằm quyết định sinh mệnh chính trị của mình, sao cho “dân có quyền, nhà nước có lực”. (TD).

⁴⁷ Lộ chính: việc hành chính về đường sá, xem việc đắp xây, sửa sang và giữ gìn đường sá. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 415.

Quan Chính Viên (quốc gia cán bộ chính sách) huấn luyện lãnh đạo, chính trị lãnh đạo, công tác lãnh đạo, bồi dưỡng (phụ đạo⁴⁸ tiến tu), tuất dưỡng⁴⁹, bảo chưởng⁵⁰ xã hội. Chủ bồi dưỡng cán bộ, chính trị giáo dưỡng, kỹ thuật, tổ chức thêm kinh quốc⁵¹ đồng hội, thu la suốt cán bộ lại một ý chí dân tộc quốc gia.

Khảo Thí Viện: Khảo thí thuyên trị, đề bạt, khảo hạch.

CƠ NĂNG HIỂN PHÁP (Hình 1) CHÍNH TRỊ và HÀNH CHÍNH

1. Lập quốc quy mô: Quốc sách nguyên tắc chính trị.
2. Lập quốc tung lý hành chính, hành động hành chính.
[Trong tài liệu lưu trữ, cuối câu 2 có ghi "1/2", có thể là lỗi sắp chữ].

⁴⁸ Phụ đạo: thầy học dạy vua khi còn nhỏ. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 588.

Nghĩa trong tài liệu là người học trước có kinh nghiệm, hướng dẫn người học sau, tương tự hình thức *mentorship* của Mỹ.

Bên cạnh giáo dục trường lớp, Lý Đông A đề xuất "lấy sinh hoạt làm giáo dục". (tương tự tại các nước tiên tiến, ai nấy đều tập những thói quen tốt trong giao tiếp, tập tôn trọng luật pháp, hướng dẫn chỉ bảo nhau... trong sinh hoạt hàng ngày để giáo dục thế hệ trẻ và giáo dục lẫn nhau. Tại Nam Việt Nam trước 1975, từ mẫu giáo, các em đã được dạy cách cư xử, dạy phải có thái độ, hành vi thích hợp với khung cảnh, đời sống của mình và những người chung quanh rồi đem ra thực hiện ngay trong đời sống mỗi ngày) nhằm thực hiện phương châm "dạy-học-làm thống nhất" (ai có điều để dạy là thầy; ai có việc để học là học trò. Nơi nào có người dạy và người học, nơi ấy là nhà trường chứ không chỉ trông chờ vào giáo dục học đường). (TD).

⁴⁹ Tuất dưỡng: cứu giúp nuôi nấng kẻ nghèo khổ. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 727.

⁵⁰ Bảo chưởng: giữ gìn che chở. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 35.

⁵¹ Kinh quốc: sửa trị việc nước. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 350.

**CƠ NĂNG HIỂN PHÁP (Hình 2)
QUỐC DÂN ĐẠI HỘI**

Sáng Chế

Phúc Quyết

Tuyển Cử

Bãi Nhiệm

CHÍNH

Chính Trị Nghiên Cứu Viện
Thượng tầng ý thức

Lập Quốc
Chính trị

Tổng Văn Hóa Viện
Cơ sở kế hoạch chính trị

TRỊ

Pháp Trị

Nhân Sự

Kiến Lập Pháp
Lập Pháp

Sử Dụng Pháp
Hành Pháp

Thích Dụng Pháp
Tư Pháp

Nuôi Người
Quan Chính

Dụng Người
Khảo Thí

Xét Người
Giám Sát

CƠ NĂNG HIỂN PHÁP (Hình 3)

1. Trung Ương: Gián tiếp dân trị: Dân chủ tập quyền.
2. Địa Phương: Trực tiếp dân trị: Dân chủ phân quyền.
3. Trung Khu: Vừa trực tiếp, vừa gián tiếp (Quốc Dân Đại Hội cử ra, toàn dân bỏ phiếu. Xu Mật Viện dùng người. Các Viện phụ trách với Đại Hội).

CƠ NĂNG HIỂN PHÁP (Hình 4)

1. Quốc Dân Đại Hội: Quốc gia, quốc dân sinh mệnh: phổ biến tồn tại (hoành).
2. Xu Mật Viện: Quốc gia, quốc dân sinh mệnh: viễn đại tồn tại (tung).
3. Chính Trị Nghiên Cứu Viện: Quốc gia, quốc dân nguyên tầng (bình diện).
4. Lập Pháp Viện: Chính sách thiết kế.
5. Hành Chính Viện: Chính sách thực thi.
6. Tư Pháp Viện: Xã hội quy ước bình phân.
7. Quan Chính Viện: Cán bộ sáng tạo.
8. Khảo Thí Viện: Cán bộ vận dụng.
9. Giám Sát Viện: Hành chính cơ năng đốc đạo.

CƠ NĂNG HIỂN PHÁP (Hình 5)

1. Cơ năng điều chỉnh: Quyết định, kế hoạch, chấp hành, khảo hạch, bồi dưỡng, liên nhau.
2. Chủ quản (quyết định), chức viên (chấp hành), mạc liêu* (kế hoạch), khảo hạch (bồi dưỡng).
3. Chủ quản cơ quan: Đặt mạc liêu chế (tức thiết kế) và thực hành (tiểu tổ thảo luận).
4. Các cơ quan đều thực hành: Trung khu liên tịch hội nghị.
5. Hành chính các hạng liên tịch hội nghị.

*Mạc liêu: liêu thuộc ở trong màn, tức là những người thư ký của vị quan to. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 435.

CƠ NĂNG HIỂN PHÁP (Hình 6)**I. Chính Trị Căn Nguyên**

1. Số lượng: Tài số, vật lượng hiệu suất.
2. Pháp chế: Mưu lược, kế hoạch vật dụng.
3. Nhân sự: Nuôi người, dạy người, thành tạo.
4. Sinh sản.
5. Thổ địa.

II. Chính Trị Khu Hữu

Chủ Kế - Chấp Pháp - Chủ Viên - Chủ Công
Chủ Thực - Khách Kế - Chủ Địa

QUỐC DÂN XU MẬT VIỆN TỔ CHỨC

Dân tộc Công Hòa Tán Dực Hội: Địa phương phân hội, giới phân hội, xưởng phân hội, đại biểu chuyên môn các nghiệp đoàn, trung ương ủy hội trực tiếp giúp Quốc Dân Xu Mật Viện thực thi phân công, chuyên môn nghiên cứu, chỉ đạo, xướng đạo, kiểm thảo và lãnh đạo các giới, các nghiệp, các sinh sản

đơn vị, điều chỉnh tài vụ đơn vị, tức là kinh tế hội nghị trong gồm kỹ thuật, tư bản, lao động, thương nghiệp, nông nghiệp, các đơn vị hợp nghị.

Lao Đông Hội Nghị: Nông, công, chức, các sinh sản, lao động đại biểu hợp nghị.

Hai hội nghị này điều hòa và giúp quốc gia thực hành tam phân chính trị đến hợp lý, đạt tới xã hội hòa hài và tinh thần thống nhất cho quốc dân.

Chủ Kế Tỉnh: Chia ba: Hội Kế Xứ, Tuế Kế⁵² Xứ, Thống Kế⁵³ Xứ, phù trợ hành chánh và khảo hạch hành chánh: công cụ thống kê, quốc thể điều tra, nghiên cứu chuyên môn vấn đề.

Chủ Pháp⁵⁴ Tỉnh: Chia ba: Nghị Pháp Xứ (mưu lược, kế hoạch), Thẩm Pháp Xứ (thẩm tra, giải thích), Thiết Pháp⁵⁵ Xứ (chuyên môn kế hoạch) khởi thảo đề án, kế hoạch hành chính và vận dụng hành chính.

Chủ Viên Tỉnh: Chia ba: Dưỡng Viên Xứ, Thành Viên Xứ, Động Viên Xứ (chỉ đạo công tác, phù trợ tiến tu) bồi dưỡng hành chính và ổn kiện hành chính.

Ba Tỉnh này đều thi hành hội nghị chế độ (giáo dưỡng văn hóa, động viên nhân lực toàn quốc hay bộ phận).

Quân Bản Bộ: Tối cao thống sủy quyền, quốc gia tổng động viên thực thi, chuẩn bị sự vụ.

Đảng Tổng Bộ: Lãnh đạo và vận hành đảng chính.

Chủ Công Tỉnh: Chia bốn: Sinh Sản Xứ, Nguyên Liệu Xứ, Phân Phối Xứ (kiêm ưu tiên quyền hành thống chế kế hoạch sinh sản (quân dân) hoạt động: chỉ đạo sinh sản, phân phối, tiêu thụ, mậu dịch, hoàn thành cơ sở kinh tế của tam phân chế độ), Trừu Tàng Xứ.

⁵² Tuế kế: tính toán số thu nhập và chi xuất trong một năm. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 729.

⁵³ Thống kê: đem những sự vật cùng trong một phạm vi họp lại một chỗ, dùng phép toán mà so sánh để tìm cái trạng thái chung (statistique). Đào Duy Anh. Sđd, tr. 816.

⁵⁴ Chủ pháp: nói về pháp luật qui định những mối quan hệ quyền lợi và nghĩa vụ. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 150.

⁵⁵ Thiết pháp: đặt ra phương pháp mà làm việc. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 805.

Khách Kế Tỉnh: Chia ba: Thủy Kế Xứ (quốc nội tình báo, tăng thêm các nhân tố tinh thần, xác định thủy kế hoàn thành dân tộc tinh thần hòa hài thống nhất), Nhị Kế Xứ (quốc tế chính trị toàn bộ tình báo, chủ trương mưu công), Tam Kế Xứ (quốc tế quân sự tình báo, chủ trương dựng gián, hoàn thành chính lược, chiến lược, tài liệu), đó là sự biết người biết mình.

Chủ Thực Tỉnh: Chia ba: Nhân Chung Kiến Thiết Xứ, Sinh Hoạt Thiết Kế Xứ, Đồng Nhân⁵⁶ Kế Hoạch Xứ (hoàn thành Đồng Nhân quốc sách của quốc gia).

PHỤ XU MẬT VIỆN TỔ CHỨC

Chủ Địa Tỉnh: Chia ba: Chính Trị Địa Lý Xứ (nghiên cứu phong vực chính trị, xã hội, kinh tế, chiến lược quan hệ), Thổ Địa Hành Chính Xứ (đăng ký, cải tạo, lợi dụng thổ địa), Thổ Địa Thiết Kế Xứ (đăng ký, thiết kế). Sự phân bố thổ địa là cơ sở chính trị quốc gia.

Xu Mật Viện 7 Tỉnh: (chủ kế, chủ pháp, chủ viên, chủ công, chủ thực, chủ địa, khách kế) đó là cái nút dây của quốc gia chính trị tối cao thiết kế, đồng thời là những nhân tố tất yếu cho kế hoạch chính trị. Chủ thực là phương

⁵⁶ Đồng nhân (Đồng - bộ Khẩu. Nhân - bộ Nhân): những người lấy địa vị, tư cách, quyền lợi và nghĩa vụ đồng đẳng mà cùng làm một việc. Hoàng Thúc Trâm, Sđd, tr. 203-204. (Xem thêm tài liệu *Đồng Nhân*).

Ngoài ra, đồng nhân còn là chính sách ngoại giao với các nước trong một vùng, như khu vực Đông Nam Á "*cùng người cùng sống, giúp tiến, liên phòng*". Cùng sống về kinh tế (thị trường chung bây giờ); giúp tiến về văn hóa giáo dục; liên phòng là cùng giúp nhau phòng vệ (như NATO ở Âu Châu).

Trong Kinh Dịch có một quẻ gọi là Đồng Nhân (hay Thiên hỏa Đồng Nhân, quẻ số 13), chỉ một tập hợp người trên dưới cùng lòng, hiệp lực đồng tâm mà tương trợ lẫn nhau. Tổ chức đạt được trạng thái này là do biết tôn trọng đặc tính, khả năng cùng nhu cầu của mỗi dạng người.

Xứ (- thuộc bộ Hộ): nơi chỗ. Trong dinh quan có chỗ tham mưu gọi là tham mưu xứ. Thiều Chửu (2009). *Hán Việt Tự Điển*. Nxb Văn Hoá Thông Tin, trang 720. Danh từ: đơn vị, tổ chức.

Đồng Nhân Kế Hoạch Xứ: cơ quan phụ trách soạn thảo kế hoạch. Phối hợp cùng với hai cơ quan Nhân Chung Kiến Thiết Xứ và Sinh Hoạt Thiết Kế Xứ đề ra quốc sách cho quốc gia. (HHTN).

diện hoàn thành dân tộc nhân chủng kiến thiết và sinh hoạt kiến thiết, một phương diện sách lược Đồng Nhân quốc sách của quốc gia.

Bảy tình này là chốt yếu của quốc gia chính trị đại kế.

Cơ Năng Hiến Pháp (hình 7)

Phân Mệnh (quốc tế bản vị): Tam Nhân Chủ Nghĩa.

Phân Công (dân sinh bản vị): Lục Dân Chính Sách.

Phân Lợi (nhân cách bản vị): Toàn dân dân sinh chính trị, toàn dân quân quốc dân giáo dưỡng.

Đại Đồng Chính Trị.

Thực Hiện Chính Trị.

Kế Hoạch Chính Trị.

Nguyên Tảng Chính Trị.

Cơ Năng Hiến Pháp (hình 8)

1. Quyền Lực: Quốc Dân Đại Hội.
2. Chính Trị: Quốc Dân Xu Mật Viện (kế hoạch chính trị).
3. Hành Chính: 6 viện (chính thuật và kỹ thuật).

QUAN HỆ CỦA CÁC VIỆN

1. Quốc Dân Xu Mật Viện: Dùng nhân viên 6 viện có Đại Hội đồng ý. Liên tịch 6 viện, kế hoạch chính trị, đốc đạo chấp hành.
2. Sáu viện phụ trách với Đại Hội. Phân quyền độc lập, hoàn toàn quan liên với nhau. Chịu kế hoạch và đốc đạo của Xu Mật Viện.

CĂN BẢN Ý NGHĨA VÀ QUY ĐỊNH CỦA CƠ NĂNG HIẾN PHÁP

1. Sinh hoạt kiến thiết.
2. Nhân chủng kiến thiết.
3. Xã hội kiến thiết.
4. Văn hóa kiến thiết.
5. Kinh tế kiến thiết.

6. Quân sự kiến thiết.
7. Chính trị kiến thiết.

CƠ NĂNG HIẾN PHÁP NHÂN SỰ

1. Quốc Trưởng: Nhậm chức từ khi được cử đến 65 tuổi. Tuổi cử là 50 trở lên.
2. Tổng Lãm: Nhiệm chức từ khi được cử đến 65 tuổi. Tuổi cử là 45 trở lên.
3. Sáu Viện Tổng Lý do Xu Mật Viện cử ra, quốc hội thông qua, đều được có chân, từ khi nhậm chức trong Khu Mật Viện.
4. Các Bộ Trưởng từ Đại Khanh, Đại Tướng trở lên đều được tham nghị quốc sự.
5. Xu Mật Viện đối các viện, giấy má là kế hoạch lệnh, quyết nghị lệnh. Các viện đối với Xu Mật Viện giấy má là nghị án, báo cáo án (nội văn).
6. Quốc Trưởng công bố hết thảy pháp luật, pháp lệnh (công bố lệnh) có quan hệ, Bộ Trưởng, Viện Trưởng phó thụ.

CƠ NĂNG HIẾN PHÁP NHÂN QUYỀN

1. Học Thuật: Tổng Văn Hóa Viện, Tối Cao Chính Trị Nghiên Cứu Viện, Khí Tài Tổng Giám Bộ Tham Quân Viện (nghiên cứu, phát minh, chế tạo cơ khí, khí cụ).
2. Giáo Dưỡng: Tổng Văn Hóa Viện Quân Huấn Tổng Giám Bộ.
3. Chính Trị: Quốc Dân Đại Hội, Quốc Dân Xu Mật Viện.
4. Hành Chính: 6 Viện, Tỉnh, Huyện, Hạt, Xã.

QUÂN SỰ PHÂN QUYỀN

(Hải, Lục, Không, thống nhất, phân lập)

1. Quân Lệnh: Quốc Dân Xu Mật Viện Quân Bản Bộ.
2. Quân Chính: Hành Chính Viện Quân Chính Bộ.
3. Quân Huấn: Quân Huấn Tổng Giám Bộ. Chiến Thời: Tối cao thống súp bộ Hải, Lục, Không.

1. Lục quân hàng không.
2. Hải quân hàng không.
3. Độc lập không quân sư đoàn.
4. Độc lập tiềm đĩnh hạm đội.

Quân bản bộ chiến thời = Tối Cao Thống Sứ Bộ.

QUÂN BẢN BỘ TỔ CHỨC

1. Tham Mưu Tổng Trưởng (Mạc Liêu Trưởng).
2. Bản Bộ Tham Mưu Xứ Trưởng.
3. Chủ Kế Khoa (quân chính thống kê, chiến lược thống kê, hội kế, tuế kê).
4. Chủ Viên Khoa (chủng tập giáo dục, binh viện động viên).
5. Chủ Địa Khoa (binh yếu địa lý, giao thông vận thu kế hoạch).
6. Chủ Binh Khoa (kiến quân biên chế, phối chỉ, điều động quân văn).
7. Chủ Chiến Khoa (tác chiến kế hoạch, diễn tập kế hoạch).
8. Chủ Phòng Khoa (phòng ngự kế hoạch).
9. Khách Kế Khoa (quốc tế khách kế).
10. Đặc Vụ Khoa (quân sự chính công).
11. Tham Mưu Viên (các nhân viên không quản khoa).

NHỮNG YẾU TỐ “LỰC” TRONG NHÂN SỰ CỦA CƠ NĂNG HIỂN PHÁP

1. Ý Lực (idea force), sáng tạo lực của trí tuệ.
2. Phong Lực gồm tổ chức lực và xã hội phong khí, tất cả những hiệu dụng và công năng của tổ chức hình thành những tác dụng suốt cả.
3. Lao Lực gồm trí tuệ lực, công cụ lực, lao động lực đối chiếu với toàn bộ vật lực.

NHỮNG CÔNG THỨC “LÝ” TRONG NHÂN SINH TRIẾT HỌC CỦA CƠ NĂNG HIỂN PHÁP

1. Hợp lý suốt cả (chỉ làm những việc và nghĩ những việc vô luận đối với người nào, nơi nào và lúc nào cũng đều công nhận là hợp lý).
2. Mình với Người coi là mục đích, không coi là thủ đoạn.

3. Một lập pháp ý chí (législative will) do thực tiễn lý tính (raison pratique) chỉ đạo nên một ý chí hợp lý, đó là chuẩn thẳng⁵⁷ của việc làm.
4. Thiện lý là tối cao nguyên lý hình nhi thượng học⁵⁸ của luân lý (good will theo Kant).

CƠ NĂNG HIẾN PHÁP TRONG ĐẠI VIỆT CHÍNH THỐNG

1. Hồng Bàng thời đại: Thị tính dân bản chính trị.
2. Hồn Hóa thời đại: Thực dân địa-chính-trị. Họ Khúc: Nhiếp chính chế độ.
3. Ngô, Đinh, Lê: Dân tộc phong kiến chính trị.
4. Lý - Trần: Dân bản quân chủ bình quyền chính trị.
5. Hồ: Dân tộc phát xít chính trị.
6. Minh Thuộc: Thực dân địa-cực-quyền phát xít toàn thể chính trị.
7. Hậu Lê cho đến Thánh Tông: Trung ương dân tộc tập quyền.
8. Trịnh - Nguyễn: Mạc phủ chính trị trung ương tập quyền.
9. Tây Sơn Nguyễn Huệ: Dân tộc chuẩn chiến thống chế chính trị.
10. Gia Long: Phân quyền chính trị.
11. Minh Mệnh: Đế quốc chủ nghĩa tập quyền chính trị.
12. Pháp Thuộc: Phân quyền thống thuộc thực dân địa-chính-trị.

CƠ NĂNG HIẾN PHÁP CƠ SỞ

1. Xã hội kết cấu (90% bình sản trung kiên dân tộc).
2. Văn hoá thời đại (phục hoạt xã hội).
3. Chính trị lộ tuyến (cứu quốc, tồn chủng, dân tộc văn minh).
4. Lịch sử đặc thù (đạo thống, học thống, sử thống, binh thống).
5. Kinh tế quan hệ (quốc dân tư bản xã-hội-hóa⁵⁹ kiến thiết).

⁵⁷ Chuẩn thẳng: chuẩn mực, đúng mực thước. (HHTN).

⁵⁸ Hình nhi thượng học: môn học nghiên cứu những cái vô hình, như nguyên lý và mục đích của sự vật, của vũ trụ, của nhân sinh (métaphysique). Đào Duy Anh. Sđd, tr. 296.

⁵⁹ Tư bản xã-hội-hoá: tư bản được xã hội hoá, tức lợi nhuận được chia cho nhiều thành phần trong xã hội chứ không chỉ tập trung vào giới chủ nhân. Một trong những hình thức xã hội hoá tư bản là hệ thống Costco hay Sam Club ở Mỹ. Mỗi người muốn mua hàng hoá tại các hệ thống này phải đóng một khoản lệ phí thành

6. Cách mạng sử thống (kế hoạch cách mạng, kế hoạch chính trị).

CƠ NĂNG HIỆN PHÁP TÍNH CHẤT

1. Trọn vẹn: Chính trị cơ cấu là một bộ phận trong cơ cấu toàn thể của quốc dân sinh hoạt. Chính trị cơ cấu như thần kinh hệ thống ăn suốt cơ thể.
2. Liên hệ: Cơ năng tính chất suốt: dọc – ngang, động – tĩnh, quyền – năng.
3. Đối lưu: Xem cơ năng hiện pháp phải xem suốt kiến quốc chính sách, nó là thể hệ của Thăng Nghĩa, tức Duy Dân chính trị. Có ba hệ: quốc, tư xã hội sinh hoạt, cơ năng toàn xã hội sinh hoạt theo tinh thần của tương hỗ chủ nghĩa và hợp tác dân chủ phối hợp với nhân kỷ lập thể là đại toàn.

ĐỜI SỐNG QUỐC DÂN

Quốc Gia Tầng (1) (2) (3)		Đại Nam Giáo
Quốc chính dân đoàn	Quốc Miếu, Quốc Gia	Đại Việt Duy Dân
<ul style="list-style-type: none"> • <u>Tỉnh tầng</u> Tỉnh chính dân đoàn⁶⁰ • <u>Huyện tầng</u> Huyện chính dân đoàn • <u>Hạt tầng</u> Hạt chính dân đoàn • <u>Xã Tầng</u> Xã chính quốc dân 	<ul style="list-style-type: none"> Quốc giáo Quốc giáo Quốc Giáo Quốc Giáo 	<ul style="list-style-type: none"> Tỉnh Huyện Hạt Xã

viên hàng năm, bù lại, được mua hàng với giá sỉ. Như vậy, lợi nhuận thay vì tập trung vào một nơi thì được chia cho nhiều giới: từ giới chủ nhân, nhà đầu tư, hãng sản xuất, công ty phân phối... tới tận người tiêu dùng. Tuy nhiên, để được mua hàng với giá sỉ thường phải mua với số lượng tương đối nhiều (điều này có thể thúc đẩy kinh tế tăng trưởng). Những hình thức khác như khuyến mãi, giảm giá... cũng có ý nghĩa tương tự. (TD).

⁶⁰ Trong tài liệu đánh máy được lưu trữ, câu này chỉ thấy hai chữ "dân đoàn". Căn cứ vào các mục bên trên và bên dưới, Học Hội Thăng Nghĩa thêm hai chữ "tỉnh chính" thành "tỉnh chính dân đoàn".

Toàn dân quốc dân đoàn - tiểu gia đình = phụ đạo - nhân cách - bình sản.

Chua:

1. Chính trị sinh hoạt (quốc dân biên chế).
2. Dân tộc sinh hoạt (luân lý, tổ chức, nhân chủng kết cấu).
3. Ý thức sinh hoạt (tông giáo, văn hóa tung hợp).
 - Sự liên lạc các hệ thống sinh hoạt.
 - Sự hòa trộn làm đời sống quốc dân có da có thịt.
 - Kinh tế sinh hoạt và quân sự sinh hoạt lẫn vào bên trong đời sống quốc dân thống nhất như hai cái trục, mà người xoay cái trục đó là Quốc Gia (quốc dân toàn thể kết cấu nên).

Xem thêm "Duy Dân Chủ Nghĩa Đờ", nó là thể dụng và lập thể của đời sống quốc dân. Biểu này chỉ là thể tĩnh và bình diện.

CƠ NĂNG HIỂN PHÁP CƠ CẤU

1. Chính trị tối cao quyền lực: Quốc Dân Đại Hội. Đại biểu tối cao quyền lực: Tham Chính Đại Hội.
2. Chính trị quyết định: Quốc Dân Xu Mật Viện (bảo thủ quốc sách, quyết định thi chính⁶¹, điều thể chính trị).
3. Chính trị thiết kế: Lập Pháp Viện (chính sách đối nội ngoại thẩm nghị, tài chính dự toán, quyết toán thẩm nghị, pháp luật thiết kế, thảo định và thẩm nghị).
4. Chính trị chấp hành: Hành Chính Viện gồm các bộ: dân chính, không chính, nội, ngoại, văn, vũ, tài, pháp, lộ (9 bộ).
5. Quốc dân công lý: Tư Pháp Viện.
6. Chính trị bồi dưỡng: Quan Chính Viện. Sự sáng lập Quan Chính Viện là để chấp hành quốc gia cán bộ chính sách, công độ chính sách, tam phân chính trị, phân phối lợi nhuận chính trị. Cái tác dụng lớn lao là:
 - a. Hành chính cơ quan không thao túng được đấng ngọ chính sách.
 - b. Công, tư xí nghiệp không can thiệp được đấng ngọ chính sách, quốc dân sinh hoạt. Về phần các giai cấp công tư, tân thiếp, tuất dưỡng

⁶¹ Thi chính: thi hành một chính sách gì. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 791.

- đều do cơ quan độc lập quy định theo thủy chuẩn⁶² hợp lý an chiểu. Quốc sách vì đó được bảo dưỡng⁶³ chắc chắn.
- c. Công, tư hành chính xí nghiệp không thao túng được chính sách lợi nhuận phân phối của quốc gia do quốc gia có cơ quan độc lập chi phối.
- d. Công, tư hành chính xí nghiệp không thao túng được sự chi phối các cấp = công độ⁶⁴ chính sách do quốc gia đặt cơ quan độc lập chấp hành.
- e. Công, tư hành chính không thao túng được nhân sự chính sách. Cán bộ chính sách do quốc gia đặt quan chính viện, khảo thí viện phụ trách chấp hành.
- f. Chỉ có cơ quan chấp hành độc lập mới khởi giai cấp mâu thuẫn (vì tư bản chi phối thao túng được lao động thị trường và chi phối cá thể chính phủ), mới khởi tham ô, vũ tộ⁶⁵ (đãi ngộ chính sách không cải tiến, công độ chính sách không thanh minh) mới khởi đầu tư chiếm công (đem người tư vào lưng đoạn hành chính), mới có thể có nghĩa, có liêm sỉ được.
- Quan Chính Viện đặt:
 Đãi Ngộ Bộ: Chính sách quy định chấp hành.
 Công Độ Bộ: Chấp Hành.
 Phúc Lợi Bộ: Quan, Công có phúc lợi.
 Nhân Tài Bộ: Điều tra, đăng ký, tổ huấn chính sách.
 Cán Huấn Bộ: Cao trung cán huấn.
 Phụ Đạo Bộ: Phụ đạo.
 Phạm vi suốt trung ương đến địa phương, thẩm nghị công lập đến tư lập cơ quan, quốc doanh đến tư doanh xí nghiệp.

⁶² Thủy chuẩn: mặt nước (được dùng làm tiêu chuẩn để đo độ cao của đất, núi và căn nền nhà). Lê Văn Đức, Sđd. Q. Hạ, tr. 1610.

Thủy chuẩn: chuẩn mực chung áp dụng trong toàn xã hội, không thiên vị. (HVL).

⁶³ Bảo dưỡng: giữ gìn nuôi nấng. Như chữ bảo dục. (HVL).

⁶⁴ Công độ: tài chính (chế độ tài chính, thương nghiệp, lương bổng). (HHTN). Xem thêm tài liệu *Bình Sản Kinh Tế*.

⁶⁵ Vũ tộ: mưa nước làm nhiều điều tệ lạn. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 922.
 Nghĩa bóng là những lạn.

7. Chính Trị Tư Cách: Khảo Thí Viện đặt các bộ: Thuyên Tư Bộ, Khảo Tuyển Bộ, Tư Cách Bộ, chính sách quy định, điều tra, đăng ký, chấp hành.
8. Chính Trị Cương Kỳ: Giám Sát Viện đặt các bộ: Điều Tra Bộ (nhân sự tình báo giám đốc), Tham Kế Bộ, Điều Tra Hạch Bộ.
9. Chính Trị Xúc Tiến: Tổng Văn Hoá Viện lấy văn hóa tiến hóa mà xúc tiến chính trị thường tân, cách tân. Thứ nhất yếu tố của chính trị là: pháp - nhân - sự, mà suy động yếu tố là: hành động - tổ chức - học thuật. Học thuật, chính trị, hành chính chuyển dời khoa học, chuyển dời kinh tế cơ sở, chuyển dời xã hội cơ sở, chuyển dời quốc dân chính trị.
10. Chính Trị Khai Minh: Chính Trị Phê Phán Viện. Quốc dân chính trị rất kỵ là khuynh hướng bảo thủ cực hữu (extrême droite), vô luận chính trị chủ nghĩa nào, miễn không đặt bảo thủ quyền lực, nếu bảo thủ mà không khai minh đó là hủy diệt. Chính trị phê phán viện đó là sức suy động chính trị cải cách, mở lối thượng tân, tân dân. Những nguyên lý chính trị thể chế, chính trị kiến thiết và chấp chính quản lý của Cơ Năng Hiến Pháp.

NĂM QUÁ TRÌNH

I. Chế Độ

Chế độ, tổ chức, quản lý, vận dụng, hòa hài.

1. Khách quan tiến hóa: Xã hội cơ sở:
Kinh tế cơ năng - Xã hội kết cấu.
Thực học thủy chuẩn - Triết học trào lưu.
Tiến hóa trào lưu - Thời đại nhu yếu.
2. Chủ quan tiến hóa: Lý tưởng cơ sở.
 - Tung hợp đông tây kim cổ .
 - Kế thừa dân tộc uyên nguyên⁶⁶ .
 - Phát nguyên độc sáng năng lực.
3. Nhân Sự Cơ Sở: Khoa học nguyên tắc.

Tam nhân chủ nghĩa. Thăng nghĩa chính trị. Thực hiện triết học. Bình sản kinh tế.
--

⁶⁶ Uyên nguyên: nguồn sâu, nguồn suối; nguồn gốc của sự vật. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 889.

II. Tổ Chức

1. Chủ thể: Người (Nhân Đạo, Nhân Sinh, Nhân Kỳ).
2. Trung gian: Đạo học (học lý nguyên tắc).
 - Số (số lý, số lượng).
 - Pháp (pháp chế, mưu lược, sách hoặch).
 - Kỹ (kỹ thuật, phương pháp, thủ đoạn).
3. Khách thể: Nhân, địa, sự, vật, thời, tài.
4. Mục đích: Người:
 - Bình diện (sinh, tồn, tục⁶⁷).
 - Lập thể (thành, tiến, hóa⁶⁸).
5. Nguyên Tắc:
 - Tình: Chí thành (không tư).
 - Lý: Chí nhân (không thiên).
 - Pháp: Chí công (không chấp).

III. Quản Lý

1. Chủ thể: - Pháp tắc (học lý nguyên tắc).
 - Điều tra (thực vật, thống kê).
 - Khảo hạch (khảo hạch, giám sát).
 - Thẩm kế (kết toán, tra số).
2. Khách thể: Nhân, địa, sự, vật, thời, tài.
3. Kết hợp:

<u>Pháp tắc</u>	<u>Điều tra</u>	<u>Thiết kế</u>	<u>Chấp hành</u>	<u>Khảo hạch</u>	<u>Thẩm kế</u>
Nhân sự	Nhân sự	Nhân Sự	Nhân sự	Nhân sự	Nhân sự
Vật địa	Vật địa	Vật địa	Vật địa	Vật địa	Vật địa
Thời tài	Thời tài	Thời tài	Thời tài	Thời tài	Thời tài

IV. Vận Dụng

1. Chủ thể:

	<u>Người</u>	<u>Tam Phân</u>
Nuôi người:	Tận nhu	Phân công
Dùng người:	Tận năng	Phân mệnh
Xét người:	Tận mệnh	Phân lợi

⁶⁷ Sinh, tồn, tục: sinh sống, tồn tại, tiếp nối. (TD).

⁶⁸ Thành, tiến, hóa: thành tựu, tiến bộ rồi tiến hóa, tức cuộc sống con người ngày càng hưởng thượng, nhân chủ hơn, tiến gần chân, thiện, mỹ hơn. (TD).

2. Khách thể:

Người Pháp (Việc)	{	Quan chính :	Nhân	}	Thực hiện cá nhân, xã hội, dân tộc ⁶⁹ .
		Khảo sát :	Sự		
		Giám sát :	Địa		
		Lập pháp :	Vật		
		Hành chính :	Thời		
		Tư Pháp :	Tài		

3. Trung gian khu cơ:

Lãnh đạo cơ tầng tự-trị-hóa.

Lao động, quân sự chỉ-đạo-chế.

Chính trị nhất nguyên.

Tung hoành nhất quán.

Quyền năng nhất thống.

Động tĩnh nhất khu.

Mạch lạc nhất thể.

Thể dụng nhất quán.

V. Hòa Hài

Quốc Dân Nguyên Tảng Cộng-Đồng-Thể

1. Chủ thể:

Lập quốc hòa hài.

- Cơ năng (thần kinh hệ thể).
- Quốc dân (công-dân-đoàn chủ-đạo-thể).

2. Trung gian:

Chính trị hòa hài.

- Toàn dân Dân sinh chính trị.
- Toàn dân Quân quốc dân giáo dưỡng.
- Công chế thực hiện kế hoạch chính trị.

3. Khách thể:

Dân sinh hòa hài.

- Thực hiện cá nhân, xã hội, dân tộc.
- Thực hiện nhân đạo, nhân sinh, nhân kỷ.
- Thực hiện phân công, phân mệnh, phân lợi.
- Thực hiện sinh, tồn, tục, tiến, hóa.

4. Mục đích:

Tiến Hóa hòa hài.

- Phục hưng dân tộc.

⁶⁹ Thực hiện cá nhân, xã hội, dân tộc: liên hệ giữa người và việc - tức tất cả mọi sinh hoạt trong xã hội - sao cho thành tựu được đời sống con người nhân chủ, tiến bộ và tiến hóa hướng thượng luôn mãi, chứ không phải làm việc là để tìm kiếm quyền, lợi, danh mà bất chấp tất cả. Lý tiên sinh nói rằng công việc là sự khoáng trương (mở rộng) con người [nhân chủ] vào xã hội. (TD).

- Phát dương dân đạo.
- Quảng đại dân sinh.
- Sáng hóa dân văn.
- Chính sức dân trị.
- Trọn vẹn dân vực⁷⁰.

CƠ NĂNG QUYỀN CHẾ

Quyền chế của Cơ Năng Hiến Pháp không phải tập quyền (centralization) như Pháp, cũng không phải là phân quyền (decentralization) như Mỹ, thực cũng chẳng như học thuyết quân quyền (đều quyền) của Tàu. Cơ Năng Hiến Pháp quy định quyền hạn bằng nguyên tắc không “tập quyền” mà cũng không “phân quyền”, song chẳng phải là thứ “quân quyền”, có thể gọi là “đan quyền” ứng dụng trong phân kiến (chia cõi), như đã nói trong quốc trị, dân sự thì chia các cấp tự trị, song tất cả các mặt hành chính khác đều chia thành các khu vực trực tiếp đặt dưới sự chỉ huy trung ương. Đây là Sử Thống của Việt di truyền lại trong các đời thịnh trị Lý, Trần và Lê Thánh Tông. Có thể nói đặc biệt là lối đan quyền khác với quân quyền là vạch chia quyền hạn ra: phạm việc phải tùy nơi đặc cách thì thuộc về địa phương, phạm việc có tính chất đều cho cả nước thì thuộc về trung ương. Đan Quyền là một sáng cử⁷¹ theo mục tiêu của Cơ Năng Hiến Pháp, một mặt phải thích ứng với tính chất chính trị là liên hệ, trọn vẹn và đối lưu của Duy Dân Dân Chủ, một mặt phải thích ứng với bốn hệ thống kinh tế trong cơ cấu của Bình Sản Kinh Tế, còn một mặt phải thích ứng với tam phân chế độ, đặt hết thảy các hoạt động của quốc gia lên 3 tiêu chuẩn: Quốc Kế - Dân Sinh - và Nhân Cách. Cơ Năng Hiến Pháp biểu hiện ra quyền chế và tổ chức đều có những đặc tính toàn thể cốt sao cho cơ cấu hoạt động của quốc gia được động tĩnh một nấc, quyền năng một mối, chính trị một chốt, ngang dọc một thời vậy.

⁷⁰ Để thực hiện được tam nhân (nhân chủ, nhân bản, nhân tính) cần thông qua lục dân (dân tộc, dân đạo, dân sinh, dân văn, dân trị, dân vực).

⁷¹ Sáng cử: việc trước kia chưa từng có mà bây giờ bắt đầu làm. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 627.

CƠ NĂNG CHÍNH TRỊ LUẬN (Hành Chính Tức Quyền Pháp Luận)

Quốc gia là một cơ cấu có xương thịt, góp kết nên bằng sự vận động của dòng sống dân tộc và dân chúng trên suốt lịch sử thực tiễn. Quốc gia như thể chỉ là hư danh, đời sống dân tộc với dân chúng mới là thực thể, mà đời sống thực tiễn đó không trệ lặng⁷², phải động tiến theo quy tắc của Duy Dân Biện Chứng Pháp. Cho nên bản chất của quốc gia thể nào là tùy theo nền tảng và điều kiện của mỗi thời đại với văn hóa kết hợp, cắt nghĩa rõ các tác dụng thay cũ đổi mới theo thuế biến⁷³ của nội dung của quốc gia trên các tầng cấp, thể hệ. Cho nên lý niệm của quốc gia phải phối hợp với lý niệm của thực thể của tiến hóa và với thực thể của chính nghĩa. Dân tộc là nguyên tắc và nhân tố chủ yếu của lịch sử vận động. Dân tộc là bản vị⁷⁴, bỏ các nguyên tắc và nhân tố đó không thể có quốc gia. Quốc gia, do đó phải coi là mục đích trên tự thân (en soi), đồng thời là thủ đoạn, và tác dụng chỉ có khi nào mục đích đi sát với thủ đoạn và tác dụng. Thủ đoạn và tác dụng hỗn hợp vào mục đích, hai mà một, thì hành động và quốc gia luận mới thực đích xác.

⁷² Trệ lặng: ngưng trệ, không thông, không sinh động. (TD).

⁷³ Thuế biến (蛻變, Thuế - bộ Trùng; Biến - bộ Ngôn): tình trạng biến đổi qua hình thức lột xác của một số loài côn trùng.

Nghĩa trong tài liệu: tình trạng biến đổi rất lớn trong xã hội, như hình thức lột xác của một số loài côn trùng. (HVL).

⁷⁴ Bản vị (Bản: gốc rễ, gốc đầu của mọi việc. Vị: vị trí, địa vị, ngôi thứ): một tổng thể, một hệ thống thống nhất (whole, unit), bền chặt và ổn định, có tính chất hoạt động đặc thù, cấu tạo bởi các cơ năng thành phần. (ĐNHX).

Lý Đông A nhấn mạnh đến bản vị dân tộc nhằm đối kháng lại Quốc tế Cộng sản chủ trương phá bỏ dân tộc để xây dựng đại đồng cộng sản. Lý tiên sinh cho rằng để tiến tới đại đồng thực sự, cần thực hiện: *tiểu đại đồng* - mỗi dân tộc thi hành công cuộc hướng tâm vận động, chối bỏ các hình thức quốc tế phân rẽ dân tộc; kế tiếp, tiến đến thành lập tập đoàn an toàn (ngày nay gọi là kết hợp vùng, khu vực) theo ba tiêu chí: cùng sống (về kinh tế), giúp tiến (về văn hoá giáo dục), liên phòng (về quốc phòng), tức *trung đại đồng*; cuối cùng, toàn thể giới chung tay thành lập một cộng đồng nhân loại, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau trong hoà bình thân ái, tức *đại đại đồng*. Nói cách khác, không thể tiến tới đại đồng bằng cách xoá bỏ dân tộc được. (TD).

Vì thế chủ quyền là tổng tác dụng của cuộc vận động của đời sống thực tiễn dân tộc và dân chúng trên lịch sử và văn hóa thực tiễn dung đúc nên một mối thống nhất của cả ý thức (lý trí, tình cảm và ý chí) với kinh tế (cơ nghiệp, năng lực và vũ lực), biểu hiện ra bằng sự quyết định, nhận rõ, dẫn dắt và xếp đặt đời sống và đường đi lịch sử và thế giới của tự mình. Chủ quyền là cái tổng tác dụng của quốc gia coi làm bản vị; sự quyết định chủ quyền ký thuộc vào đâu chỉ trông đến sự vận dụng bằng Duy Dân Biện Chứng Pháp của các cơ năng, tầng cấp và thể hệ⁷⁵ của dân tộc trên mỗi kết hợp. Quyền lực như thế là sự nối duỗi (prolongement) của các chủ quyền ra thực tiễn bằng bắt buộc và thói quen. Sự phục tòng (lý trí), yên tâm (ý chí) và ủng hộ (tình cảm) của các cơ năng trong dòng sống quyết định cái tồn tại của quyền lực, pháp lực với chính trị. Chỉ có một dân chúng sống đời sống bình sản kinh tế⁷⁶ và có sẵn một tổ chức cốt lõi theo tinh thần vô chính phủ⁷⁷ của nền dân chủ Duy Dân, phối hợp với cách giáo dục kiên kháng mới tái lập được một trạng thái quyền lực ở toàn dân và phục tòng bởi toàn dân. Sự đọ đũa hai giới vạch của thống trị với bị trị làm cho quyền lý được xã hội hóa và quyền lực thích ứng với cái thực thể của đời sống quốc gia có sinh mệnh tiến hóa và chính nghĩa.

Loài người sống theo nguyên tắc và cách thức loài người (anthropologiquement), không phải là Duy Vật hay Duy Tâm, cho nên pháp luật là pháp luật loài người, pháp luật không thể là Vật Chất Pháp (loi physique) hay Mặc Khải Pháp (loi Révélée) được. Pháp luật là cái tác dụng biểu hiện tất cả các thi thức của chủ quyền, cái chủ quyền ấy vận động theo sinh mệnh với thực hiện (nghĩa là tiến hóa và chính nghĩa). Pháp luật viết chữ hay ghi lời có quy định bằng thói quen, từ Hiến Chương cho đến Công Pháp, Tư Pháp đều là tác dụng đó.

Cho nên chính trị của Duy Dân Chủ Nghĩa và Cơ Năng Hiến Pháp đúng như nguyên tắc trên mà suy diễn ra, chối bỏ hết định luật của Duy Tâm, Duy Vật với Duy Sinh và Thực Dụng Chủ Nghĩa. Chính Trị là thiết kế và chấp hành

⁷⁵ Thể hệ: sự kết cấu có hệ thống. Hoàng Thúc Trâm. Sđd, tr. 1135.

⁷⁶ Xem thêm tài liệu *Bình Sản Kinh Tế* dưới mục Tuyển Tập Lý Đông A.

⁷⁷ “Tinh thần vô chính phủ” chứ không phải không có chính phủ, tức người dân sinh hoạt một cách tự chủ, tự giác và tự động mà không cần phải có đại diện của chính phủ, ví dụ cảnh sát, đe nẹt dọa nạt (mới tôn trọng luật pháp). (TD).

Dân Sinh. Giáo Dục là khởi điểm và chung điểm của Chính Trị. Chính trị là hành động của quốc gia coi như một thể sống thực tiễn của dân tộc và dân chúng trên lịch sử với thế giới yêu cầu, giờ cũng phải nắm chắc sự vận động trên sinh mệnh và thực tiễn. Chính trị là loài người. Sự kiến trúc bằng chính trị một xã hội phải nắm chắc cái đạo lý của sinh mệnh và thực tiễn trên Duy Dân Biện Chứng Pháp. Bản vị là xã hội sinh hoạt; cơ năng là ý thức với kinh tế⁷⁸; sinh mệnh là nhân tính, thực hiện phải bằng cả đôi đường hôn phối và kinh tế⁷⁹, hai nhân tố bằng số học nguyên lý quy định một chính trị đúng hay dở⁸⁰.

ĐẠO LÝ CỦA CHÍNH TRỊ

I. Khởi điểm của chính trị ở ngay trong nút vi diệu của Duy Dân Biện Chứng Pháp dựng đời nên sự vận hành tự trị của mình trong đại tự nhiên.

1. Chính trị là của loài người bắt đầu sống theo nguyên tắc và cách thức của loài người. Loài người sống sinh mệnh⁸¹, sống xã hội và sống lịch sử cho nên chính trị cũng phải sinh mệnh, xã hội và lịch sử.

⁷⁸ “Ý thức với kinh tế”, tức tinh thần với vật chất, hay tâm với vật cần bình hành phát triển, không thiên lệch bên nào thì sinh hoạt xã hội mới quân bình. (TD).

⁷⁹ “Hôn phối với kinh tế”, tức sắc tính (duy trì và phát triển nòi giống) với nhu yếu tính (ăn, mặc, ngủ, nghỉ...). Muốn thoả mãn hai ‘tính’ này, con người phải quây quần lại với nhau, do đó mà xã hội được thành lập, tức có thêm tính thứ ba - xã hội tính (với thuộc tính tự vệ đối với tự nhiên). Lý tiên sinh gọi các ‘tính’ này là “xã hội tự tính”. Tự nhiên giới (động vật) cũng có những tính này nên có thể coi là “thiên tính”. Nhưng con người khác động vật ở chỗ biết lập ra những tiêu chuẩn cho thiên tính dần biến thành nhân tính. Tiêu chuẩn của nhân tính cho sắc tính là *trinh* (vợ chồng trung trinh với nhau); cho nhu yếu tính là *bình* (bình đẳng cơ hội, nghĩa vụ và quyền lợi); cho xã hội tính là *hoà* (tuy lịch sử loài người đầy máu và nước mắt, nhưng thực ra, ai cũng muốn sống trong hoà bình thân ái). Mục tiêu không chỉ hoà với nhau thôi mà còn là ‘hoà’ với tự nhiên (tu chính, bảo vệ tự nhiên, bình trị âm dương). (TD)

⁸⁰ Khi xã hội được thành lập bởi thiên tính tiến dần đến và hoàn thiện nhân tính, theo Lý tiên sinh, một trong những điều chính trị phải thực hiện là “điều lý nhân tính” để nhân tính ngày càng được thực chứng và thăng hoa, chứ chính trị không phải là tranh chấp quyền lực. (TD).

⁸¹ “Loài người sống sinh mệnh, sống xã hội và sống lịch sử”, tức con người nhân chủ tạo mệnh cho chính mình. Như thế, mệnh của con người là ‘sinh’ chứ không ‘định’ (mệnh). Con người tạo ra lịch sử chứ không bị động, buộc phải chấp nhận theo sự

2. Sự vận hành của Duy Dân Biện Chứng Pháp trong xã hội, sinh mệnh và lịch sử mở ra sự thay đổi mới-cũ và “sinh hóa khắc chế”, từ bản vị đến cơ năng trong suốt cả thời gian với không gian trên quy luật Duy Dân của vận động. Cho nên chính trị là động, là thăng hoa, là “tân trần đại tạ”⁸².
3. Cho nên nguyên lý của chính trị gốc rễ trên sinh mệnh hay-dở, làm-bỏ của chính trị là vấn đề lịch sử, thực chất của chính trị đi theo với xã hội động xuyên suốt nền tảng với điều kiện trong mỗi nút kết của sinh mệnh và lịch sử.

II. Bản chất của chính trị ở ngay trong cái quy luật của khởi điểm suy diễn ra.

4. Loài người là thể sống sinh mệnh thực hiện. Chính trị là tâm thuật của cõi nút kết. Cho nên cái tác dụng tuần hoàn của tâm với vật là xã hội, của sức với vật là kinh tế, của tâm với sức là chính trị. Ba cái tom góp thành một mối thống nhất mở dòng sống văn hóa.
5. Cho nên chính trị là thiết kế và chấp hành cho dân sinh bằng cái tâm thuật cõi nút để thích ứng cải tạo và sáng tạo con đường đi lịch sử của sống [mắt chữ]à bằng cái nguyên lý tóm kết của xã hội.
6. Nhưng cái mục đích và ý nghĩa tích cực của tất cả các công năng⁸³ với hiệu suất của chính trị là giáo dưỡng toàn diện, triệt để và hưởng thượng. Cho nên khởi điểm với chung điểm của chính trị là Giáo Dưỡng.

sắp đặt của thần quyền hay thế quyền. Theo Lý tiên sinh, con người “lập tâm cho trời đất, lập mệnh cho nhân sinh, kế vãng khai lai” (nối tiếp quá khứ, khai mở tương lai). Không có con người, mọi vật đều vô nghĩa, trời đất hiện hữu đó nhưng có cũng như không. (TD).

⁸² Tân trần đại tạ: biến thiên lần hồi của các sự vật; cái cũ tàn, cái mới thay thế. Hoàng Thúc Trâm, Sđd, tr. 875.

Đây là một thành ngữ có sau đời nhà Minh, từ giao lưu văn hóa với các nước phương Tây. (HVL).

⁸³ Công năng: sức làm được là công, tài làm nên là công. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 100.

7. Chính trị là một phương-trình-thức⁸⁴ kỷ-hà-học⁸⁵ của 2 nhân tố kinh tế với ý thức trên số học, xã hội, vũ lực với cách mạng đều là tổng tác dụng của chính trị đứng trước bánh xe của lịch sử, mở đường đi không cỏi được nút kết.

III. Căn Tính và Nguyên Lý Thực Tiễn Của Chính Trị Ở Các Quy Luật Bản Chất Diễn Ra

8. Chính trị là Nhân Bản trên bình diện tới lập thể⁸⁶ của nó lập thành phương-trình-thức lịch sử của chính trị. Nhân tính là nền tảng của xã hội, kinh tế với chính trị nguyên lý. Nhân Đạo, Nhân Sinh, Nhân Cách là các tiêu chuẩn của mỗi lý tưởng cho đến thực tiễn của chính trị.

⁸⁴ Phương trình thức: tiến trình lập khuôn mẫu, mô hình để theo đó mà kiến tạo. (TD).

⁸⁵ Kỷ hà học: cũng gọi là Hình học. Môn toán học nghiên cứu chân lý về hình trạng, vị trí và sự lớn nhỏ của vật thể. Chữ này do Từ Quang Khải đời Minh dịch từ geometry thành "kỷ hà". Hoàng Thúc Trâm, Sđd, tr. 357-358.

Chỉ những đường vẽ trên biểu đồ diễn tả các hoạt động công việc. (HVL).

⁸⁶ Lập thể:

(Lập - bộ Lập): gây dựng. Thiệu Chửu, Sđd, tr. 556.

(Thể - bộ Cốt): cái nguyên lý bao hàm ở trong sự vật, đối xứng với Dụng. Như nói về lễ, thì sự kính là thể, mà sự hoà là dụng vậy. Thiệu Chửu, Sđd, tr. 976.

Trong triết học Đông phương, hiểu cách tổng quát: Thể: bản chất của sự vật; Dụng: công năng của sự vật.

Lập thể: gây dựng nên nguyên lý cốt lõi cho sự vật. (HVL).

Nhân Bản được gây dựng nên một nguyên lý thuộc bản chất của chính trị Duy Dân, trở thành một khuôn mẫu chính trị trong tiến trình lịch sử nhân loại.

Xem thêm *Tổ Đảng, Cơ Đảng*: "Dân chúng tuyệt không phải là sinh ra cho một chế độ, luật pháp, chủ nghĩa. Chủ nghĩa nào cũng ở nơi vì dân chúng mà sản sinh ra. Cho nên không thể lấy một quan điểm của một chủ nghĩa nào mà đặt để một chủ trương. Trái lại, phải từ nơi phân tích tung hợp, luật định và suy đoán khoa học và hiện thực mà đặt định ra chủ nghĩa và chủ trương".

9. Chính trị là Giáo Dưỡng làm cho loài người khỏe khoắn trên đường tiến lịch sử với tâm trần đại tạ của thời đại bằng thực hiện 3 mặt.
10. Chính trị là Thời Vụ, nắm giữ được thời gian tính trên không gian tính bằng nền tảng với điều kiện lịch sử của nó, từ thực hiện mà nắm giữ lý tưởng.
11. Chính trị là Dân Bản, trên phong mệnh của bản vị trong tiến hóa, hình thành các phạm trù Dân Tộc, Dân Đạo, Dân Sinh, Dân Văn, Dân Trị với Dân Vực làm điều kiện của mỗi thời đại.

IV. Chính Trị Không Có Kỹ Thuật, Chỉ có Tâm Thuật của Duy Dân Biện Chứng Pháp

12. Duy Dân Biện Chứng Pháp, tự mình vận hành trong xã hội, có sâu suốt vào Duy Dân Biện Chứng Pháp của Đại Tự Nhiên và Biện Chứng Pháp đặc thù của tinh thần; chính trị vô luận mặt nào chỉ là bị động bởi hay chủ động được nguyên lý với cách thức của biện chứng pháp đó.
13. Cho nên chính trị chỉ có Tâm Thuật mà không có kỹ thuật với quyền thuật.
14. Cho nên chính trị là Vận Hành Pháp Độ (pháp trị) trên nền tảng nhân sự.
15. Cho nên quan sát chính trị như cổ xưa, xem từ khí tượng, dân phong⁸⁷, âm nhạc, nhật thường sinh hoạt rất nhỏ, rất huyền, rất vô hình mà trông thấu đến rất lớn, rất hữu hình của chính trị.
16. Cho nên thi hành chính trị là được người hiền hay không được người hiền, thuận sinh mệnh hay không thuận sinh mệnh, thuận xã hội hay không thuận xã hội, thuận lịch sử hay không thuận lịch sử mà thôi.
17. Cho nên "Vận Mệnh" nghĩa là cái bị động, hay là chủ động được cái quy luật rất đúng chắc của tiến hóa: trong tiến hóa, cơ năng với nội

⁸⁷ Dân phong. (Dân – bộ Thị: dân, loài người thuộc ở dưới quyền chính trị. Phong - bộ Phong: tập tục, phong tục, thói). Chữ phong này có trong thể phong: thói đời, quốc phong: thói nước, gia phong: thói nhà, v.v. ý nói sự gì kẻ kia xướng lên người này nối theo dần dần thành tục quen. Thiều Chửu (2009). *Hán Việt Tự Điển*. Nxb Văn Hoá Thông Tin, trang 953.

Dân phong: nếp sống truyền thống của người trong nước, tức phong tục dân chúng. Xem thêm cước chú "xã phong" trong tài liệu *Thiết Giáo*. (HVL).

dung là điều kiện quyết định. Chính trị là sự tranh đấu của nhân vi với cái vận mệnh đó.

18. Cho nên chính trị chỉ có cơ hội, chỉ có lịch sử, chỉ có chí lượng trị, chỉ có lý tưởng đạo.

V. Hiệu Suất Của Chính Trị Tính Lượng Theo Trình Độ Của Sinh Mệnh Xã Hội và Lịch Sử

19. Công năng của chính trị là gồm hiệu suất với sinh lý, hiệu suất của tâm lý với hiệu suất của văn hóa trên cái graphique của lịch sử.
20. Cho nên kiện khang của sinh tồn và kiện khang dân chủ chỉ là hiệu suất sinh mệnh trong chính trị.
21. Cho nên hợp lý của xã hội và hòa bình của quốc gia là hiệu suất xã hội trong chính trị.
22. Cho nên tiến bộ của văn hóa và sáng tạo của khoa học là hiệu suất của lịch sử trong chính trị.

VI. Lý Tưởng Của Chính Trị Là Lý Tưởng Người Trong Duy Dân Biện Chứng

23. Các thời đại, dân tộc và văn minh chỉ có một mục đích là cặm cụi chạy theo hút cái bóng dáng của lý tưởng với phạm trù một "Con Người" trên một khái niệm trọn vẹn và mỹ mãn.
24. Các thời đại, dân tộc và văn minh đều cố gắng miết tới lý tưởng với phạm trù một "Xã Hội" trên một khái niệm "Người" hết sức mình, đủ dùng mình và trọn phần mình một cách khoẻ khoắn và mỹ mãn.
25. Các thời đại, dân tộc và văn minh đều lướt mướt chạy cố theo một lý tưởng và phạm trù một "Lịch Sử" tự sáng, tự chủ, tự biết một cách sung sướng và mỹ mãn⁸⁸.

⁸⁸ Các thời đại, dân tộc và văn minh, trải qua sự cai trị hay dẫn dắt bởi các thế lực chính trị thần quyền hay thế quyền, dù đầy máu và nước mắt, nhân loại từ xưa tới nay và mãi mãi về sau, vẫn luôn cố gắng thực hiện "phạm trù Người", xiển dương nhân tính, đẩy lùi thú tính, tức làm cho người ngày càng trở nên người hơn. (TD).

NHỮNG NGUYÊN LÝ CỦA CƠ NĂNG HIỂN PHÁP VỀ TINH THẦN LÀM VIỆC CỦA QUỐC DÂN

1. Chủ Thể: Vận dụng của Chủ Ngã:

- | | | | | |
|---|---|--|---|--|
| a. Truy bản cùng nguyên ⁹¹ | { | Thực sự cầu thị.
Tinh ích cầu tinh ⁸⁹ .
Trạch thiện cố chấp ⁹⁰ .
Nhật tân hựu nhật tân.
Quán triết đáo để. | { | Khoa học lý tắc
làm chủ đạo. |
| b. Quy mô vĩ đại.
c. Tình lý vi mật.
d. Nhập lý xuất sự.
e. Tri hành viên mãn. | { | Lấy chí xuất khí.

Lấy tĩnh chế động. | { | Nhập nô xuất chủ.

Nhập chủ xuất nô. |

2. Khách Thể: Vận dụng của Sự Vật:

- | | | |
|---|---|---|
| a. <u>Người</u> vận động và kết hợp.
b. <u>Vật</u> vận động và kết hợp.
c. <u>Nơi</u> vận động và kết hợp.
d. <u>Việc</u> vận động và kết hợp.
e. <u>Lý</u> vận động và kết hợp.
f. <u>Giờ</u> vận động và kết hợp.
g. <u>Tiền</u> vận động và kết hợp. | { | Bả ác ⁹² vận động trung tâm.

Bả ác vận động quy luật. |
|---|---|---|

Nhận xét sâu sắc Cơ Năng Hiển Pháp hiểu rằng nó không riêng là chuẩn tắc⁹³ để quản lý chính trị, còn là nguyên tắc sinh hoạt, cầu học, làm việc của chính phủ và quốc dân.

⁸⁹ Tinh ích cầu tinh: đã rất tốt rồi còn muốn tốt hơn nữa. (HVL).

⁹⁰ Trạch thiện cố chấp: chọn làm điều tốt thì phải giữ cho vững. (HVL).

Nguyên văn trong sách Trung Dung: “*Thành chi giả, trạch thiện nhi cố chấp chi giả dã*” (Người nỗ lực cầu sự chân thành, thì phải chọn làm điều tốt lành mà giữ cho vững).

⁹¹ Truy bản cùng nguyên: truy ngược lại gốc gác để tìm hiểu căn nguyên. (TD).

⁹² Bả ác: cầm chắc. Thiệu Chửu, Sđd, tr. 270.

⁹³ Chuẩn tắc: phép tắc để làm chừng (règle, principe). Đào Duy Anh. Sđd, tr. 152.

3. Phạm Trù: Vận dụng của Vận Động:

- a. Bản chất và hiện tượng.
- b. Nội dung và hình thức.
- c. Cơ sở và điều kiện.
- d. Nhân quả và luật tắc.
- e. Tất nhiên và ngẫu nhiên.
- f. Khả năng và hiện thực.

4. Nguyên Tắc:

- | | | |
|-----------------------------|---|--|
| a. Vận dụng của Bộ Sâu: | { | Pháp tắc. Thẩm kế.
Thiết kế. Kinh nghiệm.
Thực hành. Phê phán.
Khảo hạch. |
| b. Vận dụng của Phương Pháp | { | 1. Lập án và dự bị.
2. Tổ chức và phạm vi.
3. Thống kê và thiết kế.
4. Thực hành và khảo hạch.
5. Lý luận và thực tiễn.
6. Cải lương và phát minh.
7. Phân tích và tung hợp.
8. Điều tra và thực nghiệm.
9. Phê phán và chứng minh.
10. Phân công và hợp tác. |
| c. Vận dụng của Kỹ Thuật: | { | Có cơ chuẩn.
Có tiến bộ.
Có yếu điểm.
Có số tự.
Có luân khoách.
Có trật tự.
Có trung tâm. |
| e. Vận dụng của Chủ Nghĩa: | { | Chia chìm, nổi.
Chia khinh, trọng.
Chia gốc, ngọn.
Chia vội, chầy.
Chia trước, sau.
Chia người, mình.
Chia trong, ngoài.
Chia chủ, thứ yếu.
Chia trên, dưới.
Có tổ chức.
Có kế hoạch.
Có tin tưởng.
Có mục đích.
Có lý tưởng.
Có chính, chiến, thể, luận, lược và thuật. |

f. Vận dụng của Tinh Thần:

Trọng tế mật.

Trọng thực tài.

Trọng cơ năng.

Trọng hiệu suất.

Trọng thống nhất.

Taylorisme – Stakhanovisme - phục vụ -
sáng tạo – nhân sinh quan.g. Vận dụng của Quân Sự Giáo Dục: Tế mật tuần tự giáo dục. Động tác thực tiễn giáo dục. Hình thức đào dũa⁹⁴ giáo dục. Sinh hoạt thực tiễn giáo dục. Tập thể tự ngã giáo dục.

h. Vận dụng của Sinh Hoạt:

1. Có khoa học hệ thống.

2. Có hướng thượng kế hoạch.

3. Có hợp tác dân chủ.

4. Có hỗ trợ phụ đạo.

Tinh thần làm việc của quốc dân là yếu tố và chìa khóa của thành công của quốc gia hiện đại hóa, của quốc gia căn bản nghĩa.

⁹⁴ Đào dũa (Đào - bộ Phụ. Dũa - bộ Bang): nung đúc. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 206.

KHÁI NIỆM CỦA QUỐC DÂN SINH HOẠT THEO CƠ NĂNG HIỂN PHÁP CỦA THẮNG NGHĨA CHÍNH TRỊ ĐEM MÔ TẢ THÀNH MỘT THỂ HỆ TỔNG QUÁT RA MỘT BIỂU

I. Tổ Chức

Cơ Năng Hiển Pháp { Chính trị cơ cấu.
Văn hóa cơ cấu.
Xã hội cơ cấu. } Nguyên tắc cộng đồng thể.

II. Kinh Tế Sinh Hoạt

1. Tài chính:
 - Chính trị tài vụ.
 - Toàn thể tính dự toán⁹⁵.
 - Kinh tế hóa dự toán.
2. Kim dong (tổng kim dong) quốc hữu hóa.
3. Công nghiệp:
 - Quốc gia công nghiệp hóa.
 - Xưởng bộ (từng thể hệ).
 - Liên xưởng (từng bộ môn).
 - Công phường, hợp tác, tổ hợp.
4. Thường vụ:
 - Tổng kinh kỹ⁹⁶.
 - Tổng kinh lý⁹⁷.
5. Nông nghiệp:
 - Quốc doanh nông trường.
 - Tập thể nông trường.
 - Tự canh nông.
 - Công môn⁹⁸, hợp tác, tổ hợp.

⁹⁵ Dự toán: tính toán trước; tính trước những món xuất nhập về tài chánh. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 187.

⁹⁶ Kinh kỹ: người đứng giữa giới thiệu người mua hàng và người bán. (Trích từ tài liệu *Bình Sản Kinh Tế*).

⁹⁷ Kinh lý: người chủ trì một thương điểm, người làm đại lý cho nhà buôn. (Trích từ tài liệu *Bình Sản Kinh Tế*).

⁹⁸ Công môn: cửa công, cửa quan. Đào Duy Anh, Sđd, tr. 100.

III. Nguyên tắc

Chính trị hóa.	}	Thăng nghĩa chính trị.	}	Quốc kế.
Cơ năng hóa.		Bình sản kinh tế.		Dân sinh.
Tập đoàn hóa.		Cơ năng hiến pháp.		Nhân cách.
Khoa học hóa.		Trung tâm giáo dưỡn.		
Kỹ thuật hóa.		Sinh hoạt giáo dục.		
Kế hoạch hóa.		Đại Nam tông hóa.		

IV. Kế Hoạch

Thống nhất vận trù⁹⁹ và kiến thiết hồ kế:

- Chỉ tiêu (leading aim).
- Cương lĩnh (limits and direction).
- Kế Hoạch (từ dưới lên trên tung hợp).

Nhân sự quản lý và công việc đua tranh:

- Chính trị hóa.
- Dân chủ hóa.
- Trừ bỏ quan liêu chủ nghĩa.

Mưu chuẩn của kế hoạch là bình hành¹⁰⁰:

- Cung cầu bình hành.
- Thu chi bình hành.
- Sản tiêu bình hành.

Bờ cõi của kế hoạch là khoáng trương¹⁰¹.

Tiến trình của kế hoạch là phát triển.

Phạm vi của kế hoạch là toàn thể.

Trung tâm của kế hoạch là kỹ thuật.

Hạng mục của kế hoạch là tam phân.

V. Cơ cấu

- Các đơn vị sinh sản và các đơn vị chấp hành là chủ thể của kế hoạch.
- Các tầng cấp của sinh sản và tầng cấp chấp hành là chủ thể của chuyển đạt và liên lạc.
- Khu Mật Viện là cơ quan tối cao thống nhất kế hoạch và quyết định.

⁹⁹ Vận trù: lăn con tính = phép tính bằng bàn tính; định liệu mưu kế. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 903.

¹⁰⁰ Bình hành: đi ngang với nhau. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 55.

¹⁰¹ Khoáng trương: mở rộng ra. (ĐNHX).

- Sáu viện hành chính là cơ quan phụ trách.
- Tham Nghị Viện là cơ quan cố vấn.
- Quốc Hội là cơ quan chung quyết.
- Dân chúng là một thể cơ năng thống nhất.

VI. Chính Sách

Thời kỳ quân chính:	Chính sách quân chính.
Thời kỳ quá độ:	Chính sách yên định.
Thời kỳ quản chế sơ bộ:	Chính sách quản chế.
Thời kỳ tập thể:	Chính sách tập thể, nội tại khoáng triển.
Thời kỳ công chế ¹⁰² :	Chính sách công chế tập đại thành ¹⁰³ .

¹⁰² Công chế: chế độ chung, ai nấy đều thừa nhận. Đào Duy Anh. Sđd, tr. 98.

¹⁰³ Tập đại thành (集大成)

Tập – bộ Chuy: góp các số vụn vặt lại thành một số lớn. Thiều Chửu, Sđd, trang 925. Chữ “tập” này dùng trong các trường hợp: tập hợp (集會); tập trung (集中); tuyển tập (選集); toàn tập (全集)...

Mỗi lần nhạc thay đổi điệu gọi là “nhất thành” (一成 - hết một khúc nhạc), chín lần thay đổi thì tấu xong một bản nhạc, gọi là “đại thành” (大成). Về cấu trúc âm nhạc cung đình, cũng phân thành Tiểu thành và Đại thành. Những khúc nhạc nhỏ gọi là Tiểu thành, tấu chúng thành một bản nhạc lớn – gọi là Đại thành.

Chữ “tập đại thành” xuất phát từ lãnh vực âm nhạc, sau dùng trong lãnh vực tư tưởng. Chỉ công việc thu thập, trình bày học thuyết/chủ trương của những người đi trước một cách có hệ thống; đồng thời còn đưa ra những sáng tạo, phát kiến đáng ghi nhận.

Cụm từ “tập đại thành” đã xuất hiện trong văn chương Việt Nam từ thế kỷ XV. Trong một bài thơ của Tiến sỹ Thân Nhân Trung (1419 - 1499), có câu: “*Thần công thánh đức diệu nan danh, Phi tự quang thừa tập đại thành*” (Công thần đức thánh [của vua] khó mà kể được, Nổi nghiệp vẻ vang của cha ông [,] gom lại mà nên to lớn – HVL dịch). Cụm từ “tập đại thành” cũng có trong từ điển Hán Việt của Đào Duy Anh. Ông Đào Duy Anh hoàn thành Hán Việt từ điển vào đầu năm 1932. (HVL).

VII. Tiến Trình

Thành lập một Tổng Tiến Trình từ năm: 1930-1950; 1950 -1965; 1965-1980; 1980-2000.

Ý thực co duỗi thành lập các kỳ hạn kế hoạch (từng năm, hai năm, năm năm).

VIII. Dự Tiêu

Thực hiện cá nhân: Nhân Đạo, Nhân Sinh, Nhân Kỳ¹⁰⁴.

Thực hiện xã hội.

Thực hiện dân tộc: Dân Tộc, Dân Đạo, Dân Sinh, Dân Văn, Dân Trị, Dân Vực. Tinh thần thống nhất, xã hội hòa hài, sinh hoạt mãn túc, nhân cách bình đẳng, sinh hoạt bình đẳng.

XY. Lý Đông A
4821 TV (1942)

Ghi chú:

- Học Hội Thăng Nghĩa (HHTN) hiệu đính và chuyển thành ấn bản điện tử, tháng 01 năm 2018 từ bản đánh máy.
- Chú giải: Huỳnh Việt Lang và Tạ Dzu, tháng 01 năm 2018. Một số chú giải được trích từ tài liệu *Bình Sản Kinh Tế*, một số từ tài liệu *Chìa Khóa Thăng Nghĩa* của Đồng Nhân Học Xã.

¹⁰⁴ Nhân kỳ: tự mình, tự con người. (TD).